

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Danh mục  
thuốc bảo vệ thực vật  
**ĐƯỢC PHÉP, HẠN CHẾ  
VÀ CẤM SỬ DỤNG**  
Ở VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN  
NÔNG NGHIỆP

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**Danh mục thuốc bảo vệ thực vật  
ĐƯỢC PHÉP, HẠN CHẾ VÀ  
CẤM SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM**

**NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP**

**Hà Nội – 2001**

DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT  
ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM  
LIST OF PESTICIDES PERMITTED  
TO USE IN VIETNAM

| TT                                                                     | TÊN HOẠT CHẤT -<br>NGUYÊN LIỆU<br>(COMMON NAME) | TÊN THƯƠNG MẠI<br>(TRADE NAME ) |
|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------|
| I. THUỐC SỬ DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP - PESTICIDE<br>USE IN AGRICULTURER: |                                                 |                                 |
| 1. Thuốc trừ sâu - Insecticide :                                       |                                                 |                                 |
| 1                                                                      | Abamectin                                       | Alfatin 1.8 EC                  |
|                                                                        |                                                 | Tập Kỳ 1.8 EC                   |
|                                                                        |                                                 | Vertimec 1.8 EC/ ND             |
| 2                                                                      | Accphate ( min 97%)                             | Anitox 50 EC                    |
|                                                                        |                                                 | Appenphate 75 SP                |
|                                                                        |                                                 | Asataf 75 SP                    |
|                                                                        |                                                 | Lancer 40 EC, 50 SP, 75 SP      |
|                                                                        |                                                 | Mace 75 SP                      |
|                                                                        |                                                 | Monster 40 EC, 75 WP            |
|                                                                        |                                                 | Mytox 75 SP                     |
|                                                                        |                                                 | Orthene 97 Pellet               |
|                                                                        |                                                 | Pace 75 SP                      |
|                                                                        |                                                 | Viaphate 75 BHN                 |

|   |                                               |                            |
|---|-----------------------------------------------|----------------------------|
| 3 | Acetamiprid (99.57 %)                         | Mospilan 3 EC              |
| 4 | Acrinathrin (min 99.0%)                       | Rufast 3 EC                |
| 5 | Alpha - Cypermethrin<br>(min 90 %)            | Alfathrin 5 EC             |
|   |                                               | Alpha 5 EC                 |
|   |                                               | Alphacy 5 EC, 10 EC        |
|   |                                               | Alphan 5 EC                |
|   |                                               | Anphatox 5 EC              |
|   |                                               | Bestox 5 EC                |
|   |                                               | Cyper - Alpha 5 ND         |
|   |                                               | Fastac 5 EC                |
|   |                                               | Fastocid 5 EC              |
|   |                                               | Fentac 2 EC                |
|   |                                               | Fortac 5 EC                |
|   |                                               | Motox 5 EC                 |
|   |                                               | Pertox 5 EC                |
|   |                                               | Sapen - Alpha 5 EC         |
|   |                                               | Tiper - Alpha 5 EC         |
| 6 | Alpha - Cypermethrin 1 % +<br>Fenobucarb 40 % | Vifast 5 ND, 10 SC         |
|   |                                               | Visca 5 EC                 |
| 7 | Amitraz (min 97 %)                            | Hopfa 41 EC                |
| 8 | Azadirachtin                                  | Mitac 20 EC                |
| 9 | Bacillus thuringiensis<br>(var.Kurstaki)      | Aza 0.15 EC                |
|   |                                               | Neem Bond - A EC (1000ppm) |
|   |                                               | Nimbecidine 0.03 EC        |
|   |                                               | Bacterin B.T WP            |
|   |                                               | Batik 11500 IUT.ni/mg SC   |
|   |                                               | Biobit 16 K WP, 32 B FC    |
|   |                                               | Biocin 16 WP               |
|   |                                               | BTB 16 BTN                 |
|   |                                               | Delfin WG (32 BIU)         |
|   |                                               | Dipel 3.2 WP, 6.4 DF       |

|    |                                          |                                                                                                                                              |
|----|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                          | Thuricide HP, OF 36 BIU<br>V.K 16 WP, 32 WP                                                                                                  |
| 10 | Bacillus thuringiensis<br>(var. aizawai) | Aztron 7000 DBMU<br>Xentari 35 WDG                                                                                                           |
| 11 | Beauveria bassiana                       | Beauverine<br>Muskardin                                                                                                                      |
| 12 | Beta - Cyfluthrin<br>(min 96.2 %)        | Bulldock 025 EC                                                                                                                              |
| 13 | Beta - Cypermethrin<br>(min 98.0 %)      | Chix 2.5 EC                                                                                                                                  |
| 14 | Benfuracarb (min 92 %)                   | Oncol 20 EC, 25 WP, 5 G                                                                                                                      |
| 15 | Buprofezin (min 98 %)                    | Applaud 10 WP<br>Apolo 25 WP<br>Butyl 10 WP<br>Difluent 10 WP<br>Encofezin 10 WP<br>Profezin 10 WP<br>Viappla 10 BTN                         |
| 16 | Buprofezin 7 % +<br>Fenobucarb 20 %      | Applaud - Bas 27 BTN                                                                                                                         |
| 17 | Buprofezin 5.0 % +<br>Isoprocarb 20.0 %  | Applaud - Mipe 25 BHN<br>Apromip 25 WP                                                                                                       |
| 18 | Carbaryl (min 99.0 %)                    | Carbavin 85 WP<br>Comet 85 WP<br>Forvin 85 WP<br>Para 43 SC<br>Saivin 430 SC<br>Sebaryl 85 BHN<br>Sevin 85 WP, 43 FW, 85 S<br>Vibaryl 85 BTN |
| 19 | Carbosulfan (min 93%)                    | Marshal 200 SC, 5 G                                                                                                                          |
| 20 | Cartap (min 97 %)                        | Alfatap 95 SP<br>Cardan 95 SP                                                                                                                |

|    |                                               |                               |
|----|-----------------------------------------------|-------------------------------|
|    |                                               | Mapan 95 SP, 10 G             |
|    |                                               | Padan 50 SP, 95 SP, 4 G, 10 G |
|    |                                               | Tigidan 95 BHN, 4 G           |
|    |                                               | Vicarp 95 BHN, 4 H            |
| 21 | Cartap 4%+ Isoprocarb 2.5%                    | Vipami 6.5 H                  |
| 22 | Chlorfenapyr                                  | Secure 10 EC                  |
| 23 | Chlorfluazuron (min 94 %)                     | Atabron 5 EC                  |
| 24 | Chlorpyrifos (min 94 %)                       | Chlorban 20 EC                |
|    |                                               | Lorsban 30 EC                 |
|    |                                               | Pyrinex 20 EC                 |
|    |                                               | Sanpyrphos 20 EC, 48 EC       |
|    |                                               | Vitashield 40 EC              |
| 25 | Chlorpyrifos 250 g/l +<br>Cypermethrin 25 g/l | Nurelle D 25/2.5 EC           |
| 26 | Cyfluthrin (min 93%)                          | Baythroid 5 SL, 050 EC        |
| 27 | Cypermethrin (min 90 %)                       | Appencyper 35 EC              |
|    |                                               | Arrivo 5 EC, 10 EC, 25 EC     |
|    |                                               | Carmethrin 10 EC, 25 EC       |
|    |                                               | Cymbush 5 EC, 10 EC           |
|    |                                               | Cymerin 5 EC, 10 EC, 25 EC    |
|    |                                               | Cymkill 10 EC, 25 EC          |
|    |                                               | Cyper 25 EC                   |
|    |                                               | Cyperan 5 EC, 10 EC, 25 EC    |
|    |                                               | Cyperkill 10 EC , 25 EC       |
|    |                                               | Cypermap 10 EC , 25 EC        |
|    |                                               | Cypersect 5 EC , 10 EC        |
|    |                                               | Cyrin 25 EC, 20 EC, 10 EC     |
|    |                                               | Cyruux 25 EC                  |
|    |                                               | Dibamerin 5 EC, 10 EC, 25 EC  |
|    |                                               | Nockthrin 10 EC, 25 EC        |
|    |                                               | Power 5 EC                    |
|    |                                               | Punisx 5.5 EC , 25 EC         |
|    |                                               | Pycythrins 5 EC               |
|    |                                               | Ralothrin 20 E                |

|    |                                             |                                                                                                                                                                                                                                 |
|----|---------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                             | Sec SaiGon 5EC, 10EC, 25EC, 30EC, 50EC, 5ME, 10ME<br>Sherbush 5 ND, 10 ND, 25 ND<br>Sherpa 10 EC, 25 EC<br>Shertox 10 EC<br>Southsher 10 EC<br>Tiper 25 EC<br>Tornado 10 EC<br>Ustaad 5 EC, 10 EC<br>Visher 25 ND, 10 FW, 25 FW |
| 28 | Cypermethrin 2.0 % +<br>Isoprocarb 6.0 %    | Metox 809 8 EC                                                                                                                                                                                                                  |
| 29 | Cypermethrin 40 g/l +<br>Profenofos 400 g/l | Forwatin C 44 WSC<br>Polytrin C 440 EC / ND<br>Polytrin P 440 EC / ND                                                                                                                                                           |
| 30 | Cyromazine                                  | Trigard 75 BHN, 100 SL                                                                                                                                                                                                          |
| 31 | Deltamethrin (min 98 %)<br>(Decamethrin)    | Decis 2.5 EC, 25 tab<br>Deltaguard 2.5 EC<br>Delttox 2.5 EC<br>Meta 2.5 EC<br>Toxcis 2.5 EC<br>Videci 2.5 ND                                                                                                                    |
| 32 | Deltamethrin 6.25 % +<br>Buprofezin 50 %    | Dadeci EC                                                                                                                                                                                                                       |
| 33 | Diafenthiuron (min 97 %)                    | Pegasus 500 SC<br>Polo 500 SC                                                                                                                                                                                                   |
| 34 | Diazinon (min 95 %)                         | Agrozinon 60 EC<br>Azinon 50 EC<br>Basudin 40 EC<br>Basudin 50EC/ND, 5G, 10G/H<br>Basutigi 40 ND, 50 ND, 10 H<br>Cazinon 50 ND, 10 H<br>Diaphos 50EC, 10 G<br>Diazan 60 EC, 50 ND, 10 H                                         |

|    |                                             |                                          |
|----|---------------------------------------------|------------------------------------------|
|    |                                             | Diazol 60 EC                             |
|    |                                             | Kayazinon 40 EC, 50 EC, 60 EC, 5 G, 10 G |
|    |                                             | Phantom 60 EC                            |
|    |                                             | Subaru 10 H                              |
|    |                                             | Tizonon 50 EC                            |
|    |                                             | Vibasu 40 ND, 50 ND, 5 H, 10 H, 10 BR    |
| 35 | Diazinon 30 % (6 %) + Fenobucarb 20 % (4 %) | Vibaba 50 ND, 10 H                       |
| 36 | Diazinon 5 % + Isoprocab 5 %                | Diamix 5/5 G                             |
| 37 | Dimethoate (min 95 %)                       | Bai 58 40 EC                             |
|    |                                             | Bi - 58 40 EC, 50 EC                     |
|    |                                             | Bian 40 EC , 50 EC                       |
|    |                                             | Bini 58 40 EC                            |
|    |                                             | Binh - 58 40 EC                          |
|    |                                             | Bitox 40 EC, 50 EC                       |
|    |                                             | Canthoate 40 EC , 50 EC                  |
|    |                                             | Dibathoate 40 EC, 50 EC                  |
|    |                                             | Dimecide 40 EC                           |
|    |                                             | Dimenat 40 EC                            |
|    |                                             | Dithoate 40 EC                           |
|    |                                             | Fezmet 40 EC                             |
|    |                                             | Forgon 40 EC, 50 EC                      |
|    |                                             | Nugor 40 EC                              |
|    |                                             | Perfekthion 40 EC                        |
|    |                                             | Pyxoate 44 EC                            |
|    |                                             | Tafgor 40 E                              |
|    |                                             | Tigithion 40 EC/ND, 50 EC/ND             |
|    |                                             | Vidithoate 40 ND                         |
| 38 | Dimethoate 20 % + Fenvalerate 10 %          | Bifentox 30 ND                           |

|    |                                                       |                                                                                                                                     |
|----|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 39 | Dimethoate 8 % +<br>Cypermethrin 2 %                  | Cypdime (558) 10 EC                                                                                                                 |
| 40 | Dimethoate 27.0 % +<br>Cypermethrin 3.0 %             | Nitox 30 EC                                                                                                                         |
| 41 | Dimethoate 300 g/l +<br>Cypermethrin 50 g/l           | Dizorin 35 EC                                                                                                                       |
| 42 | Dimethoate 2 % +<br>Isoprocab 3 %                     | BM - Tigi 5 H                                                                                                                       |
| 43 | Dimethoate 3 % +<br>Fenobucarb 2 %                    | BB - Tigi 5 H                                                                                                                       |
| 44 | Emamectin (Avermectin B1a<br>90%+ Avermectin B1b 10%) | Proclaim 1.9 EC/ND                                                                                                                  |
| 45 | Esfenvalerate (min 83 %)                              | Alphago 5 EC<br>Carto - Alpha 5 EC<br>Esfel 5 EC<br>Sumi - Alpha 5 EC<br>Sumisana 5 ND<br>Vifenalpha 5 ND                           |
| 46 | Etofenprox (min 96%)                                  | Trebon 10 EC                                                                                                                        |
| 47 | Ethoprophos (min 94%)                                 | Mocap 10 G<br>Nokaph 10 G, 20 EC<br>Vimoca 20 ND                                                                                    |
| 48 | Fenitrothion (min 95 %)                               | Factor 50 EC<br>Forwathion 50 EC<br>Sagothion 50 EC<br>Suco 50 ND<br>Sumithion 50 EC, 100 EC<br>Visumit 50 ND, 5 BR<br>Winner 50 EC |
| 49 | Fenitrothion 45 % +<br>Fenoburcarb 30 %               | Difetigi 75 EC<br>Sumibass 75 EC<br>Subatox 75 EC                                                                                   |
| 50 | Fenitrothion 25 % +<br>Esfenvalerate 1.25 %           | Sumicombi - Alpha 26.25 EC                                                                                                          |

|    |                                                                    |                       |
|----|--------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 51 | Fenitrothion 25 % +<br>Fenvalerate 5 %                             | Sagolex 30 EC         |
|    |                                                                    | Suco - F 30 ND        |
|    |                                                                    | Sumicombi 30 EC       |
|    |                                                                    | Sumitigi 30 EC        |
|    |                                                                    | Vifensu 30 ND         |
| 52 | Fenitrothion 45 % +<br>Fenpropathrin 5 %                           | Danitol - S 50 EC     |
| 53 | Fenitrothion 200 g/kg +<br>Trichlorfon 200 g/kg                    | Ofatox 400 EC, 400 WP |
| 54 | Fenitrothion 10.5 % +<br>Fenvalerate 1.9 % +<br>Cypermethrin 2.6 % | TP - Pentin 15 EC     |
| 55 | Fenobucarb (BPMC)<br>(min 96 %)                                    | Bascide 50 EC         |
|    |                                                                    | Bassa 50 EC           |
|    |                                                                    | Bassan 50 EC          |
|    |                                                                    | Bassatigi 50 ND       |
|    |                                                                    | Excel Basa 50 ND      |
|    |                                                                    | Forcin 50 EC          |
|    |                                                                    | Hopkill 50 ND         |
|    |                                                                    | Hoppecin 50 EC        |
|    |                                                                    | Nibas 50 ND           |
|    |                                                                    | Summit 50 EC          |
|    |                                                                    | Super Kill 50 EC      |
|    |                                                                    | Tapsa 50 EC           |
|    |                                                                    | Vibasa 50 ND          |
|    |                                                                    | Vitagro 50 EC         |
| 56 | Fenobucarb 2 % +<br>Dimethoate 3 %                                 | Caradan 5 H           |
|    |                                                                    | Vibam 5 H             |
| 57 | Fenobucarb 30 % +<br>Phenthoate 45 %                               | Hopsan 75 ND          |
| 58 | Fenobucarb 45 % +<br>Phenthoate 30 %                               | Fenthomap 75 EC       |
|    |                                                                    | Knockdown 75 ND       |
| 59 | Fenpropathrin (min 96 %)                                           | Alfapathrin 10 EC     |
|    |                                                                    | Danitol 10 EC         |

|    |                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|----|------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                          | Vimite 10 ND                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 60 | Fenpyroximate (min 96%)                  | Ortus 5 SC                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 61 | Fenthion (min 99.7%)                     | Encofen 50 EC<br>Lebaycid 50 EC, 500 EC<br>Sunthion 50 EC                                                                                                                                                                                                                                           |
| 62 | Fenvalerate (min 92 %)                   | Cantocidin 20 EC<br>Encofenva 20 EC<br>Fantasy 20 EC<br>Fenkil 20 EC<br>First 20 EC<br>Kuang Hwa Din 20 EC<br>Leva 10 EC, 20 EC<br>Pathion 20 EC<br>Pyvalerate 20 EC<br>Sagomycin 10EC, 20EC, 10ME<br>Sanvalerate 200 EC<br>Sudin 20 EC<br>Sumicidin 10 EC, 20 EC<br>Timycin 20 EC<br>Vifenva 20 ND |
| 63 | Fenvalerate 3.5 % +<br>Dimethoate 21.5 % | Fenbis 25 EC<br>Fentox 25 EC                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 64 | Fipronil (min 97 %)                      | Regent 5 SC, 0.2 G, 0.3 G ,<br>800 WG                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 65 | Fipronil 20 g/l +<br>Fenobucarb 160 g/l  | Access 180 EC                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 66 | Flufenoxuron (min 98 %)                  | Cascade * 5 EC                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 67 | Halfenprox (min 94.5%)                   | Sirbon 5 EC                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 68 | Hexythiazox (min 94 %)                   | Nissorun 5 EC                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 69 | Imidacloprid (min 99.6 %)                | Admire 050 EC<br>Confidor 0.05 EC, 100 SL<br>Gaucho 70WS, 200 FS, 600 FS                                                                                                                                                                                                                            |
| 70 | Isoprocarb                               | Capcin 20 EC , 25 WP<br>Mipcide 20 ND                                                                                                                                                                                                                                                               |

|    |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                      | Tigicarb 20 EC, 25 WP<br>Vimipc 20 ND, 25 BTN<br>B - N 5 H                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 71 | Isoprocarb 3 % +<br>Dimethoate 2 %   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 72 | Isoxathion                           | Karphos 2 D                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 73 | Lambdacyhalothrin<br>(min 81 %)      | Karate Zeon 2.5 CS<br>Fastkill 2.5 EC                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 74 | Lufenuron (min 96 %)                 | Match 050 EC/ND                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 75 | Malathion (min 95 %)                 | Malate 73 EC<br>Malfic 50 EC<br>Malvate 21 EC                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 76 | Malathion 15 % +<br>Fenvalerate 6 %  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 77 | Methidathion (min 96% )              | Supracide 40 EC/ND<br>Suprathion 40 EC                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| 78 | Methomyl (min 98.5%)                 | Lannate 40 SP                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 79 | Methoxyfenozide (min 95%)            | Prodigy 23 F                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 80 | Naled (Bromchlophos)<br>(min 93 %)   | Dibrom 50 EC, 96 EC<br>Flibol 50 EC, 96 EC                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 81 | Nereistoxin.(Dimehypo)<br>(min 90 %) | Binhdan 95 WP , 18 SL<br>Catodan 95 WP, 90 WP,<br>18 SL, 4 H, 10 H<br>Dibadan 95 WP<br>Neretox 95 WP, 18 SL<br>Netoxin 18 DD, 90 BHN,<br>95 BHN<br>Sát trùng đơn (Sát trùng đơn)<br>95 BTN, 90 BTN, 18 SL, 5 H<br>Sadavi 95 WP<br>Sanedan 95 WP<br>Shachong Shuang 18 SL,<br>90 WP, 95 WP<br>Taginon 18 SL<br>Sha Chong Jing 95 WP |

|    |                                              |                                         |
|----|----------------------------------------------|-----------------------------------------|
|    |                                              | Tiginon 90 WP, 95 WP,<br>18 DD, 5 H     |
|    |                                              | Vinetox 5H, 18 DD, 95 BHN               |
|    |                                              | Vi Tha Dan 95 WP                        |
| 82 | NPV (Nuclear polyhedrosis virus)             | Vicin - S                               |
|    |                                              | Seba $4.10^9$ PIB/ml, $2.10^{10}$ PIB/g |
| 83 | Omethoate 20 % +<br>Fenvalerate 10 %         | (Omethoate+ Fenvalerate)<br>30 EC       |
| 84 | Permethrin (min 92 %)                        | Agroperin 10 EC                         |
|    |                                              | Ambush 50 EC                            |
|    |                                              | Army 10 EC                              |
|    |                                              | Asitrin 10 EC                           |
|    |                                              | Fullkill 10 EC , 50 EC                  |
|    |                                              | Map -Permethrin 10 EC, 50 EC            |
|    |                                              | PER annong 500 EC                       |
|    |                                              | Peran 10 EC , 50 EC                     |
|    |                                              | Perkill 10 EC , 50 EC                   |
|    |                                              | Permecide 10 EC                         |
|    |                                              | Pounce 10 EC, 1.5 G                     |
|    |                                              | Tigifast 10 EC                          |
| 85 | Petroleum sprayoil                           | D - C - Tron Plus 98.8 EC               |
| 86 | Pyridaben (min 95 %)                         | Dandy 15 EC                             |
| 87 | Phenthoate<br>(Dimephenthoate)<br>(min 92 %) | Elsan 50 EC                             |
|    |                                              | Forsan 50 EC, 60 EC                     |
|    |                                              | Nice 50 EC                              |
|    |                                              | Phenat 50 EC                            |
|    |                                              | Phetho 50 ND                            |
|    |                                              | Pyenthoate 50 EC                        |
|    |                                              | Rothoate 50 EC, 40 WP                   |
|    |                                              | Vifel 50 ND                             |
| 88 | Phenthoate 30 % +<br>Fenobucarb 20 %         | Viphensa 50 ND                          |

|                                                      |                                                  |                                                  |
|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 89                                                   | Phenthoate 48 % +<br>Etofenprox 2 %              | ViCIDI - M 50 ND                                 |
| 90                                                   | Phosalone                                        | Pyxolone 35 EC<br>Saliphos 35 EC<br>Zolone 35 EC |
| 91                                                   | Phosalone 175 g/l +<br>Cypermethrin 30 g/l       | Sherzol EC                                       |
| 92                                                   | Profenofos (min 87%)                             | Selecron 500 EC/ND<br>Callous 500 EC             |
| 93                                                   | Propargite (min 85 %)                            | Comite <sup>(R)</sup> 73 EC                      |
| 94                                                   | Pyraclofos (min 92.5%)                           | Voltage 50 EC                                    |
| 95                                                   | Pyridaphenthion (min 95%)                        | Ofunack 40 EC                                    |
| 96                                                   | Quinalphos (min 70 %)                            | Kinalux 25 EC                                    |
| 97                                                   | Cypermethrin 3 % +<br>Quinalphos 20 %            | Viraat 23 EC                                     |
| 98                                                   | Rotenone                                         | Fortenone 5 WP<br>(Rotenone )<br>Roteicide 2 DD  |
| 99                                                   | Silafluofen                                      | Silatop 20 EW, 7 EW                              |
| 100                                                  | Spinosad (min 96.4%)                             | Success 25 SC                                    |
| 101                                                  | Tebufenozide (min 99.6%)                         | Mimic <sup>®</sup> 20 F                          |
| 102                                                  | Tebufenozide 5 % +<br>Buprofezin 10 %            | Quada 15 WP                                      |
| 103                                                  | Thiamethoxam (min 95 %)                          | Actara 25 WG                                     |
| 104                                                  | Thiodicarb (min 96 %)                            | Larvin 75 WP                                     |
| 105                                                  | Tralomethrin (min 93%)                           | Scout 1.6 EC, 3.6 EC, 1.4 SC                     |
| 106                                                  | Triazophos (min 92%)                             | Hostathion 20 EC, 40 EC                          |
| 107                                                  | Trichlorfon (Chlorophos)<br>(min 97% )           | Địch Bách Trùng 90 SP<br>Sunchlorfon 90 SP       |
| 108                                                  | Virus + Bacillus<br>Thuringiensis (var.kurstaki) | V - BT                                           |
| <b>2. Thuốc trừ bệnh hại cây trồng - Fungicide :</b> |                                                  |                                                  |
| 1                                                    | Acibenzolar- S - Methyl<br>(min 96 %)            | Bion 50 WG                                       |

|   |                                                        |                              |
|---|--------------------------------------------------------|------------------------------|
| 2 | Benomyl (min 95 %)                                     | Bemyl 50 WP                  |
|   |                                                        | Ben 50 WP                    |
|   |                                                        | Bendazol 50 WP               |
|   |                                                        | Benex 50 WP                  |
|   |                                                        | Benlate 50 WP                |
|   |                                                        | Benofun 50 WP                |
|   |                                                        | Benotigi 50 WP               |
|   |                                                        | Binhnomyl 50 WP              |
|   |                                                        | Candazole 50 WP              |
|   |                                                        | Fundazol 50 WP               |
|   |                                                        | Funomyl 50 WP                |
|   |                                                        | Plant 50 WP                  |
|   |                                                        | Tinomyl 50 WP                |
| 3 | Benomyl 12.5 % + ZnSO <sub>4</sub> + MgSO <sub>4</sub> | Viben 50 BTN                 |
|   |                                                        | Mimyl 12.5 BHN               |
| 4 | Benomyl 17% + Zineb 53 %                               | Benzeb 70 WP                 |
| 5 | Bromuconazole (min 96 %)                               | Vectra 100 SC, 200 EC        |
| 6 | Calcium Polysulfide                                    | Lime Sulfur                  |
| 7 | Carbendazim (min 98%)                                  | Agrodazim 50 SL              |
|   |                                                        | Appencarb super 50 FL, 75 DF |
|   |                                                        | Bavisan 50 WP                |
|   |                                                        | Care 50 SC                   |
|   |                                                        | Bavistin 50 FL (SC)          |
|   |                                                        | Benzimidine 60 WP            |
|   |                                                        | Binhnavil 50 SC              |
|   |                                                        | Cadazim 500 FL               |
|   |                                                        | Carban 50 SC                 |
|   |                                                        | Carben 50 WP, 50 SC          |
|   |                                                        | Carbenda 60 WP, 50 SC        |
|   |                                                        | Carbenvil 50 SC              |
|   |                                                        | Carbenzim 500 FL, 50 WP      |
|   |                                                        | Carosal 50 SC, 50 WP         |
|   |                                                        | Cavil 50 SC, 50 WP, 60 WP    |

|    |                                                                               |                                                                                                                                                  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                               | Derosal 50 SC, 60 WP<br>Forsol 50 WP, 60 WP, 50 SC<br>Fungistemic 50 WP<br>Glory 50 SC<br>Ticarben 50 WP<br>Vicarben 50 BTN, 50 HP<br>Zoom 50 WP |
| 8  | Carbendazim 60 % +<br>Sulfur 15 %                                             | Vicarben - S 75 BTN, 70 BTN                                                                                                                      |
| 9  | Carbendazim 5 % + $\alpha$ -<br>NAA + $P_2O_5$ + $K_2O$ + $N_2$ +<br>Vi lượng | Solan 5 WP                                                                                                                                       |
| 10 | Chlorothalonil (min 98%)                                                      | Binhconil 75 WP<br>Daconil 75 WP , 500 SC<br>Forwanil 75 WP<br>Thalonil 75 WP                                                                    |
| 11 | Copper Hydrocide                                                              | Champion 77 WP, 57.6 DP,<br>37.5 FL<br>Funguran - OH 50 BHN(WP)<br>Kocide® 53.8 DF, 61.4 DF                                                      |
| 12 | Copper Oxychloride                                                            | Đồng oxyclorea 30 WP/BTN ,<br>80 BTN, 50 HP<br>COC 85 WP                                                                                         |
| 13 | Streptomycin 5.4 % +<br>Copper Oxychloride 6.6 %                              | Batocide 12 WP                                                                                                                                   |
| 14 | Copper Oxychloride 25 % +<br>Benomyl 25%                                      | Benlat C 50 WP<br>Viben - C 50 BTN                                                                                                               |
| 15 | Copper Sulfate                                                                | (Copper Sulfate)<br>Super Mastercop 21 AS                                                                                                        |
| 16 | Cymoxanil 8 % +<br>Mancozeb 64 %                                              | Curzate - M8 72 WP                                                                                                                               |
| 17 | Cyproconazole (min 94%)                                                       | Bonanza 100 SL, 100 DD                                                                                                                           |
| 18 | Cytokinin ( Zeatin)                                                           | Sincocin 0.56 SL                                                                                                                                 |

|    |                                                       |                                                                                                                                                                                         |
|----|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 19 | Difenoconazole (min 96 %)                             | Score 250 EC/ND                                                                                                                                                                         |
| 20 | Difenoconazole 150 g/l +<br>Propiconazole 150 g/l     | Tilt Super 300 ND/ EC                                                                                                                                                                   |
| 21 | Diniconazole (min 94%)                                | Dana - Win 12.5 WP<br>Sumi - Eight 12.5 WP                                                                                                                                              |
| 22 | Dimethomorph (min 99.1%)<br>90 g/kg+ Mancozeb 600g/kg | Acrobat MZ 90/600 WP                                                                                                                                                                    |
| 23 | Edifenphos (min 87 %)                                 | Agrosan 40 EC, 50 EC<br>Canosan 30 EC, 40 EC, 50 EC<br>Edisan 40 EC , 50 EC<br>Hinosan 30 EC , 40 EC<br>Hisan 40 EC , 50 EC<br>Kuang Hwa San 50 EC<br>New Hinosan 30 EC<br>Vihino 40 ND |
| 24 | Edifenphos 30 % +<br>Fenobucarb 40 %                  | Comerich 70 EC                                                                                                                                                                          |
| 25 | Epoxiconazole (min 92%)                               | Opus 125 SC                                                                                                                                                                             |
| 26 | Epoxiconazole 125 g/l +<br>Carbendazim 125 g/l        | Swing 25 SC                                                                                                                                                                             |
| 27 | Flusilazole                                           | Nustar 40 EC                                                                                                                                                                            |
| 28 | Flutriafol                                            | Impact 12.5 SC                                                                                                                                                                          |
| 29 | Folpet (min 90 %)                                     | Folcal 50 WP<br>Folpan 50 WP                                                                                                                                                            |
| 30 | Fosetyl Aluminium<br>(min 95 %)                       | Aliette 80 WP, 800 WG<br>T - Liette 80 WP<br>Vialphos 80 BHN                                                                                                                            |
| 31 | Fthalide                                              | Rabcide 20 SC, 30 WP                                                                                                                                                                    |
| 32 | Fthalide 20 % (15 %) +<br>Kasugamycin 1.2 %           | Kasai 21.2 WP , 16.2 SC                                                                                                                                                                 |
| 33 | Hexaconazole (min 85 %)                               | Anvil 5 SC<br>Callihex 50 SC<br>T - vil 5 SC                                                                                                                                            |

|    |                                                  |                                                                                                                                                 |
|----|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 34 | Imibenconazole<br>(min 98.3 %)                   | Manage 5 WP, 15 WP                                                                                                                              |
| 35 | Iprobenphos (Iprobenfos)<br>(min 94%)            | Cantazin 50 EC<br>Kian 50 EC<br>Kisàigòn 50 ND, 10 H<br>Kitatigi 50 ND, 5 H, 10 H<br>Kitazin 50 EC , 17 G<br>Tpozin 50 EC<br>Vikita 50 ND, 10 H |
| 36 | Iprodione (min 96 %)                             | Cantox - D 50 WP<br>Hạt vàng 50 WP<br>Rovral 50 WP , 500 WG,<br>750 WG<br>Viroval 50 BTN                                                        |
| 37 | Iprodione 175 g/l +<br>Carbendazim 87.5 g/l      | Calidan 262.5 SC.                                                                                                                               |
| 38 | Isoprothiolane<br>(min 96 %)                     | Đạo ôn linh 40 EC<br>Caso one 40 EC<br>Fuan 40 EC<br>Fuji - One 40 EC, 40 WP<br>Fuzin 40 EC<br>Kontrol 40 ND<br>Vifusi 40 ND                    |
| 39 | Isoprothiolane 20 % +<br>Iprobenphos 20 %        | Vifuki 40 ND                                                                                                                                    |
| 40 | Kasugamycin                                      | Cansunin 2 L<br>Kasumin 2 L                                                                                                                     |
| 41 | Kasugamycin 0.6 % + Basic<br>Cupric Chloride 16% | New Kasuran BTN                                                                                                                                 |
| 42 | Kasugamycin 2 % + Copper<br>Oxychloride 45 %     | Kasuran 47 WP<br>Canthomil 47 WP<br>BL. Kanamin 47 WP                                                                                           |
| 43 | Kasugamycin 5 % + Copper<br>Oxychloride 45 %     | BL. Kanamin 50 WP<br>Kasuran 50 WP                                                                                                              |

|    |                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
|----|--------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 44 | Mancozeb                                   | Cozeb 45 80 WP<br>Dipomate 80 WP                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|    |                                            | Dithane M - 45 80 WP<br>Dizeb - M 45 80 WP<br>Formanco 80 WP<br>Forthane 80 WP , 43 SC<br>Man 80 WP<br>Manozeb 80 WP<br>Manthane M 46 80 WP<br>Manzate - 200 80 WP<br>Penncozeb 75 DF , 80 WP<br>Sancozeb 80 WP<br>Thane - M 80 WP<br>Timan 80 WP<br>Tipozeb 80 WP<br>Unizeb M - 45 80 WP<br>Vimancoz 80 BTN |
| 45 | Mancozeb 37 % + Copper<br>Oxychloride 43 % | Cupenix 80 BTN                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 46 | Mancozeb 30 % +<br>Copper Oxychloride 39 % | CocMan 69 WP                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 47 | Maneb                                      | Trineb 80 WP                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 48 | Metalaxyl (min 95 %)                       | Alfamil 25 WP<br>Apron 35 SD<br>Binhtaxyl 25 EC<br>Foraxyl 25 WP<br>Mataxyl 25 WP<br>No mildew 25 WP<br>Rampart 35 SD<br>Ridomil 240 EC/ ND, 5 G/H<br>Vilaxyl 35 BTN                                                                                                                                         |
| 49 | Metalaxyl 8 % +<br>Mancozeb 64 %           | Mancolaxyl 72 WP<br>Metazeb 72 WP<br>Mexyl MZ 72 WP                                                                                                                                                                                                                                                          |

|    |                                                |                                  |
|----|------------------------------------------------|----------------------------------|
|    |                                                | Ricide 72 WP                     |
|    |                                                | Ridomil MZ 72 WP/BHN             |
|    |                                                | Ridozeb 72 WP                    |
|    |                                                | Romil 72 WP                      |
|    |                                                | Vimonyl 72 BTN                   |
| 50 | Metalaxyl M 40 g/kg +<br>Mancozeb 640 g/kg     | Ridomil Gold <sup>®</sup> 68 BHN |
| 51 | Metalaxyl 10 % (8 %) +<br>Mancozeb 48 % (64 %) | Fortazez 58 WP , 72 WP           |
| 52 | Metalaxyl 8 % + Copper<br>oxychloride 50 %     | Viroxyl 58 BTN                   |
| 53 | Metiram Complex<br>(min 85 %)                  | Polyram 80 DF                    |
| 54 | Oxadixyl 10.0 % +<br>Mancozeb 56.0%            | Sandofan M 66 WP                 |
| 55 | Oxolinic acid (min 93 %)                       | Starner 20 WP                    |
| 56 | Pencycuron (min 99 %)                          | Alfaron 25 WP                    |
|    |                                                | Baovil 25 WP                     |
|    |                                                | Forwaceren 25 WP                 |
|    |                                                | Helan 25 WP, 250 SC              |
|    |                                                | Luster 250 SC                    |
|    |                                                | Monceren 25 WP , 250 SC          |
|    |                                                | Moren 25 WP                      |
|    |                                                | Vicuron 25 BTN                   |
| 57 | Prochloraz (min 97%)                           | Mirage 50 WP                     |
|    |                                                | Octave 50 WP                     |
| 58 | Propamocarb. HCl<br>( min 97 %)                | Proplant 722 SL                  |
| 59 | Propiconazole (min 90 %)                       | Agrozo 250 EC                    |
|    |                                                | Bumper 250 EC                    |
|    |                                                | Canazole 250 EC                  |
|    |                                                | Cozol 250 EC                     |
|    |                                                | Fordo 250 EC                     |
|    |                                                | Lunasa 25 EC                     |

|    |                                                                                             |                                       |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
|    |                                                                                             | Tilt 250 EC/ND                        |
|    |                                                                                             | Tiptop 250 EC                         |
|    |                                                                                             | Zoo 250 EC                            |
| 60 | Propineb (min 80 %)                                                                         | Antracol 70 WP                        |
| 61 | Sai ku zuo (MBAMT)<br>(min 90 %)                                                            | Sasa 20 WP                            |
|    |                                                                                             | Xanthomix 20 WP                       |
| 62 | Streptomycine 2.194 % +<br>Oxytetracycline 0.235 % +<br>Tribasic Copper Sulfate<br>78.520 % | Cuprimicin 500 81 WP                  |
| 63 | Sulfur                                                                                      | Kumulus 80 DF                         |
|    |                                                                                             | Microthiol Special Liquid<br>58.15 LF |
|    |                                                                                             | Microthiol Special 80 WP              |
|    |                                                                                             | Sulox 80 WP                           |
| 64 | Tebuconazole (min 95 %)                                                                     | Folicur 250 EW                        |
| 65 | Thifluzamide (min 96 %)                                                                     | Pulsor 23 F                           |
| 66 | Thiophanate - Methyl<br>(min 93 %)                                                          | Agrotop 70 WP                         |
|    |                                                                                             | Binhsin 70 WP                         |
|    |                                                                                             | Cantop - M 72 WP, 5 SC, 43SC          |
|    |                                                                                             | Cercosin 5 SC                         |
|    |                                                                                             | Fusin - M 70 WP                       |
|    |                                                                                             | Kuang Hwa Opsin 70 WP                 |
|    |                                                                                             | Methyate 70 WP                        |
|    |                                                                                             | Thio - M 70 WP, 500 SC                |
|    |                                                                                             | Tipo - M 70 BHN                       |
|    |                                                                                             | Fomet 70 WP                           |
|    |                                                                                             | Top 50 SC, 70 WP                      |
|    |                                                                                             | Top - Plus M 70 WP                    |
|    |                                                                                             | Topan 70 WP                           |
|    |                                                                                             | Toplaz 70 WP                          |
|    |                                                                                             | Topnix 70 WP                          |
|    |                                                                                             | Topsimyl 70 WP                        |

|    |                                              |                                |
|----|----------------------------------------------|--------------------------------|
|    |                                              | Topsin M 50 WP, 70 WP          |
|    |                                              | TSM 70 WP                      |
| 67 | Thiram (TMTD)                                | Vithi - M 70 BTN               |
|    |                                              | Caram 85 WP                    |
| 68 | Triadimefon                                  | Pro - Thiram 80 WP             |
|    |                                              | Bayleton 250 EC                |
|    |                                              | Coben 25 EC                    |
|    |                                              | Encoleton 25 WP                |
|    |                                              | Sameton 25 WP                  |
| 69 | Triadimenol                                  | Bayfidan 25 EC, 250 EC         |
|    |                                              | Samet 15 WP                    |
| 70 | Tricyclazole<br>(min 95 %)                   | Beam 75 WP                     |
|    |                                              | Binhtin 75 WP                  |
|    |                                              | Flash 75 WP                    |
|    |                                              | Trizole 20 WP                  |
| 71 | Tridemorph (min 86 %)                        | Calixin 75 EC                  |
| 72 | Validamycin<br>(Validamycin A)<br>(min 40 %) | Anlicin 5 WP                   |
|    |                                              | Duo Xiao Meisu 5 WP            |
|    |                                              | Haifangmeisu 5 WP              |
|    |                                              | Jing gang meisu 5 SL, 10 WP    |
|    |                                              | Qian Jiang Meisu 5 WP          |
|    |                                              | Romycin 3 DD, 5DD, 5 WP        |
|    |                                              | Tidacin 3 SC                   |
|    |                                              | Vacinmeisu 5 WP, 5 SL          |
|    |                                              | Vacocin 3 SL                   |
|    |                                              | Vali 3 DD, 5 DD                |
|    |                                              | Validacin 3L, 5L, 5 SP         |
|    |                                              | Validan 3 DD, 5 DD             |
|    |                                              | Valitigi 3 DD, 5 DD            |
|    |                                              | Vanicide 3SL, 5 SL, 5 WP       |
|    |                                              | Varison 5 WP                   |
|    |                                              | Vida <sup>(R)</sup> 3 SC, 5 WP |
|    |                                              | Vigangmycin 3 SC               |
|    |                                              | Vivadamy 3 DD, 5 DD, 5 BHN     |

|    |                                                                |                                                                                                                                                      |
|----|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 73 | Validamycin 2 % +<br>NOA 0.05% + NAA 0.05%+<br>Zn, Cu, Mg 11 % | Vimix 13.1 DD                                                                                                                                        |
| 74 | Zineb                                                          | Ramat 80 WP<br>Tigineb 80 WP<br>Guinness 72 WP<br>Zin 80 WP<br>Zinacol 80 WP<br>Zineb Bul 80 WP<br>Zodiac 80 WP<br>Zinforce 80 WP<br>Zithane Z 80 WP |
| 75 | Zineb 20 % + Copper<br>Oxychloride 30%                         | Zincopper WP<br>Vizincop 50 BTN                                                                                                                      |
| 76 | Zineb 25% + Bordeaux 60%                                       | Copperzine WP                                                                                                                                        |
| 77 | Zineb 20 % + Bordeaux 45%<br>+ Benomyl 10 %                    | Copper - B 75 WP                                                                                                                                     |
| 78 | Zineb 40 % + Sulfur 40 %                                       | Vizines 80 BTN                                                                                                                                       |

### 3. Thuốc trừ cỏ - Herbicide :

|   |                                                                |                                                                                                  |
|---|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Acetochlor (min 93.3%)<br>14.6 % + Bensulfuron<br>Methyl 2.4 % | Acenidax 17 WP                                                                                   |
| 2 | Alachlor (min 90 %)                                            | Lasso 48 EC                                                                                      |
| 3 | Ametryn (min 96 %)                                             | Amesip 80 WP<br>Ametrex 80 WP<br>Atryl 80 WP<br>Fezpax 500 FW<br>Gesapax 80 WP/BHN,<br>500 FW/DD |
| 4 | Anilofos (min 93 %)                                            | Ricozin 30 EC                                                                                    |
| 5 | Anilofos 22.89 % +<br>Ethoxysulfuron 0.87 %                    | Riceguard 22 SC                                                                                  |
| 6 | Atrazine (min 96 %)                                            | Atra 500 SC                                                                                      |

|    |                                              |                                  |
|----|----------------------------------------------|----------------------------------|
|    |                                              | Atranex 80 WP                    |
|    |                                              | Co - co 50 50 WP                 |
|    |                                              | Fezprim 500 FW                   |
|    |                                              | Gesaprim 80 WP/BHN,<br>500 FW/DD |
|    |                                              | Maizine 80 WP                    |
|    |                                              | Mizin 50 WP, 80 WP               |
|    |                                              | Sanazine 500 SC                  |
| 7  | Ametryn 250 g/l +<br>Atrazine 250 g/l        | Gesapax Combi 500 FW/ DD         |
| 8  | Ametryn 40 % +<br>Atrazine 40 %              | Atramet combi 80 WP              |
|    |                                              | Gesapax Combi 80 WP / BHN        |
| 9  | Bensulfuron Methyl<br>(min 96 %)             | Metrimex 80 WP                   |
|    |                                              | Beron 10 WP                      |
| 10 | Bensulfuron Methyl 12 % +<br>Acetochlor 12 % | Londax 10 WP                     |
|    |                                              | Beto 14 WP                       |
| 11 | Bispyribac - Sodium<br>(min 93 %)            | Nominee 10 SC                    |
| 12 | Bromacil                                     | Hyvar - X 80 WP                  |
| 13 | Butachlor (min 93 %)                         | B.L. Tachlor 60 EC               |
|    |                                              | Butan 60 EC                      |
|    |                                              | Butanix 60 EC                    |
|    |                                              | Butavi 60 EC                     |
|    |                                              | Butoxim 60 EC, 5 G               |
|    |                                              | Cantachlor 60 EC, 5 G            |
|    |                                              | Dibuta 60 EC                     |
|    |                                              | Echo 60 EC                       |
|    |                                              | Forwabuta 32 EC, 60 EC, 5 G      |
|    |                                              | Heco 600 EC                      |
|    |                                              | Kocin 60 EC                      |
|    |                                              | Lambast 60 EC, 5 G               |
|    |                                              | Taco 600 EC                      |
|    |                                              | Tico 60 EC                       |

|    |                                       |                                            |
|----|---------------------------------------|--------------------------------------------|
|    |                                       | Machete 60 EC, 5 G                         |
|    |                                       | Meco 60 EC                                 |
|    |                                       | Michelle 32 ND, 62 ND, 5 G                 |
|    |                                       | Niran - X 60 EW                            |
|    |                                       | Vibuta 32 ND, 62 ND, 5 H                   |
| 14 | Butachlor 3.75+ 2.4 D 3.1%            | Century 6.85 G                             |
| 15 | Butachlor 27.5 % +<br>Propanil 27.5 % | Bandit 55 EC                               |
|    |                                       | Butanil 55 EC                              |
|    |                                       | Cantanil 550 EC                            |
|    |                                       | Pataxim 55 EC                              |
| 16 | Butachlor 40 % +<br>Propanil 20 %     | Vitanil 60 ND                              |
| 17 | Chlomethoxyfen (min 93%)              | X - 52 7 GR                                |
| 18 | Cinnethylin ( min 88 %)               | Argold 10 EC                               |
| 19 | Clefoxydim (min 99.6 %)               | Tetris 75 EC                               |
| 20 | Clethodim (min 91.2%)                 | Select 12 EC                               |
| 21 | Clomazone (min 88 %)                  | Command 36 ME                              |
| 22 | Cyclosulfamuron<br>(min 98 %)         | Saviour 10 WP                              |
| 23 | Cyhalofop - butyl<br>(min 97 %)       | Clincher 10 EC                             |
| 24 | 2.4 D (min 96 %)                      | A.K 720 DD                                 |
|    |                                       | Amine 720 DD                               |
|    |                                       | Anco 720 DD                                |
|    |                                       | B.T.C 2.4D 80 WP                           |
|    |                                       | Baton 960 WSP                              |
|    |                                       | Bei 72 EC                                  |
|    |                                       | Cantosin 80 WP, 600 DD,<br>720 DD          |
|    |                                       | CO 2.4 D 500 DD , 600 DD,<br>720 DD, 80 WP |
|    |                                       | Co Broad 80 WP                             |
|    |                                       | Damin 70 SL                                |
|    |                                       | Desormone 60 EC, 70 EC                     |

|    |                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|----|-----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                 | DMA - 6 683 AC, 72 AC<br>Haibon - D 864 DD<br>Nufa 825 DF<br>O . K 720 DD, 683 DD<br>Pro - amine 60 AS, 48 SL<br>Quick 720 EC<br>Rada 720 EC, 600 DD, 80 WP<br>Sanaphen 600 SL , 720 SL<br>Vi 2.4D 80 BTN, 600 DD,<br>720 DD<br>Zaap 720 SL<br>Zico 48 SL, 70 SL, 720 DD,<br>520 SL, 45 WP, 80 WP, 96 WP |
| 25 | Dalapon                                                         | Dipoxim 80 BHN<br>Vilapon 80 BTN                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 26 | Disflufenican 16.7 g/l +<br>Propanil 333.3 g/l                  | Rafale 350 EC                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 27 | Diuron (min 97 %)                                               | Ansaron 43 F, 80 WP<br>BM Diuron 80 WP<br>D - ron 80 WP<br>Go - 900 DF<br>Karmex 80 WP<br>Maduron 80 WP<br>Sanuron 800 WP, 800 SC<br>Suron 80 WP<br>UPL Diuron 80 WP<br>Vidui 80 BTN                                                                                                                     |
| 28 | Ethoxysulfuron (min 94 %)                                       | Sunrice 15 WDG                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 29 | Fenoxaprop - P - Ethyl<br>(min 88 %)                            | Whip'S 7.5 EW, 6.9 EC<br>Web 7.5 SC                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 30 | Fenoxaprop - P - Ethyl 4.25<br>% + 2.4 D 6.61% + MCPA<br>19.81% | Tiller S EC                                                                                                                                                                                                                                                                                              |

|    |                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|----|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 31 | Fentrazamide (min 98%)<br>6.75 % + Propanil 37.5 % | Lecspro 44.25 WP                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 32 | Fluazifopbutyl (min 91 %)                          | Onecide 15 EC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 33 | Glufosinate Ammonium<br>(min 95 %)                 | Basta 6 SL , 15 SL                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 34 | Glyphosate IPA Salt<br>(min 95 %)                  | B - Glyphosate 41 SL<br>BM - Glyphosate 41 AS<br>Burndown 160 AS<br>Carphosate 16 DD, 41 DD,<br>480 SC<br>Clean - up 480 AS<br>Cosmic 41 SL<br>Dibphosate 480 DD<br>Dream 360 SC , 480 SC<br>Echosate 16 DD<br>Ecomax 41 SL<br>Encofosat 48 SL<br>Farm 480 AS<br>Glialka 360 SC<br>Gly - Up 480 SL<br>Glycel 41 SL<br>Glyphadex 360 AS<br>Glyphosan 480 DD<br>Glyphoz 450 A<br>Go Up 480 SC<br>Helosate 16 SL, 48SL<br>Herb - Neat 41 SL<br>Ken - Up 160 SC, 480 SC<br>Kuang - Hwa la 41 SC<br>Lyphoxim 16 SL , 41 DD<br>MAMBA 41 SL<br>Mastraglyphosate 16 AS, 41 AS<br>Newsate 41 DD<br>Niphosate 160 SL, 480 SL |

|    |                                                                           |                                                                                                                                                                                                               |
|----|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    |                                                                           | Nufarm Glyphosate 360 AC<br>Perfect 480 DD<br>PinUp 41 AS<br>Ridweed RP 41 SL<br>Roundup 480 SC, 74 DF<br>Shoot 16 AS, 41 AS, 300 AS<br>Spark 160 SC<br>Tiposat 480 SC<br>Vifosat 480 DD<br>Weedmaster 750 DF |
| 35 | Glyphosate Dimethylamine                                                  | Rescue 27 AS                                                                                                                                                                                                  |
| 36 | Glyphosate IPA Salt 180 g/l<br>+ Isopropylamine salt of<br>Dicamba 90 g/l | Wallop 34.7 WSC                                                                                                                                                                                               |
| 37 | Glyphosate IPA Salt 242 g/l<br>+ Picloram 26.5 g/l                        | Empire 27 AS                                                                                                                                                                                                  |
| 38 | Glyphosate IPA Salt 24 % +<br>2.4 D 12 %                                  | Bimastar 240/120 AS                                                                                                                                                                                           |
| 39 | Glyphosate IPA Salt 13.8 %<br>+ 2.4 D 13.8 %                              | Gardon 27.6 SL                                                                                                                                                                                                |
| 40 | Haloxypop - R Methyl Ester<br>(min 94 %)                                  | Gallant Super 10 EC                                                                                                                                                                                           |
| 41 | Isoxaflutole (min 98 %)                                                   | Merlin 750 WG                                                                                                                                                                                                 |
| 42 | Lactofen (min 97 %)                                                       | Cobra 24 EC                                                                                                                                                                                                   |
| 43 | Linuron (min 94 %)                                                        | Afalon 50 WP                                                                                                                                                                                                  |
| 44 | MCPA (min 85 %)                                                           | Agroxone 80 WP                                                                                                                                                                                                |
| 45 | Metolachlor (min 87 %)                                                    | Dual 720 EC/ ND                                                                                                                                                                                               |
| 43 | S -Metolachlor (min 98.3 %)                                               | Dual Gold <sup>®</sup> 960 ND                                                                                                                                                                                 |
| 47 | Metribuzin (min 95 %)                                                     | Sencor 70 WP                                                                                                                                                                                                  |
| 48 | Metsulfuron Methyl<br>(min 93 %)                                          | Ally 20 DF<br>Super - Al 20 DF                                                                                                                                                                                |
| 49 | Metsulfuron Methyl 10 % +<br>Chlorimuron Ethyl 10 %                       | Almix 20 WP                                                                                                                                                                                                   |

|    |                                                       |                                                                                     |
|----|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 50 | Metsulfuron Methyl 1.75%<br>+Bensulfuron Methyl 8.25% | Sindax 10 WP                                                                        |
| 51 | Molinate (min 95 %)                                   | Ordram 8 E                                                                          |
| 52 | Molinate 32.7 % +<br>Propanil 32.7 %                  | Prolinate 65.4 EC                                                                   |
| 53 | Oxadiargyl (min 96 %)                                 | Rali <sup>®</sup> 800 WP, 800 WG                                                    |
| 54 | Oxadiazon (min 94 %)                                  | Canstar 25 EC<br>Ronstar 25 EC, 12 L<br>Binhoxa 25 EC                               |
| 55 | Oxadiazon 100 g/l +<br>Propanil 300 g/l               | Fortene 400 EC                                                                      |
| 56 | Pendimethalin (min 90 %)                              | Accotab 330 E<br>Prowl 330 EC                                                       |
| 57 | Pretilachlor                                          | Rifit 500 EC/ND, 2 G<br>Venus 300 EC                                                |
| 58 | Pretilachlor 170 g ai/l +<br>Propanil 330 g ai/l      | Profit 500 ND                                                                       |
| 59 | Pretilachlor 300 g/l +<br>Fencloirim 100 g/l          | Sofit 300 EC / ND                                                                   |
| 60 | Propanil (min 95 %)<br>(DCPA)                         | Propatox 360 EC<br>Map - Prop 50 SC<br>Caranyl 48 SC<br>Wham 80 DF<br>Wham EZ 48 SC |
| 61 | Pyrazosulfuron Ethyl<br>(min 97 %)                    | Sirius 10 WP, 10 TB<br>Star 10 WP<br>Silk 10 WP                                     |
| 62 | Pyribenzoxim (min 95 %)                               | Pyanchor 3 EC                                                                       |
| 63 | Quinclorac (min 99%)                                  | Facet <sup>(R)</sup> 25 SC                                                          |
| 64 | Quinclorac 28 % +<br>Bensulfuron Methyl 4%            | Quinix 32 WP                                                                        |
| 65 | Sethoxydim (min 94%)                                  | Nabu S 12.5 EC                                                                      |
| 66 | Simazine (min 97 %)                                   | Gesatop 80 WP/BHN, 500<br>FW/DD                                                     |

|    |                                                         |                                                          |
|----|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
|    |                                                         | Sipazine 80 WP<br>Visimaz 80 BTN<br>Gesatop Z 500 FW/ DD |
| 67 | Simazine 250 g/l +<br>Ametryn 250 g/l                   |                                                          |
| 68 | Sulfosate (min 95 %)                                    | Banish 16 SL<br>Touchdown 48 SL                          |
| 69 | Terbuthylazine 345 g/l +<br>Glyphosate IPA Salt 180 g/l | Folar 525 FW                                             |
| 70 | Thiobencarb<br>(Benthiocarb)                            | Saturn 50 EC<br>Saturn 6 H                               |
| 71 | Thiobencarb 40 % +<br>Propanil 20 %                     | Satunil 60 EC                                            |
| 72 | Triclopyr butoxyethyl ester                             | Garlon 250 EC                                            |
| 73 | Triasulfuron (min 92 %)                                 | Logran 20 WG                                             |
| 74 | Trifluralin (min 94 %)                                  | Triflurex 48 EC                                          |

#### 4. Thuốc trừ chuột - Rodenticide :

|   |                                                                  |                                                                              |
|---|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Brodifacoum (min 91%)                                            | Klerat 0.05 %<br>Forwarat 0.05 %, 0.005 %                                    |
| 2 | Bromadiolone (min 97% )                                          | Killrat 0.005 Wax block<br>Musal 0.005 %<br>Lanirat 0.005 % G<br>CAT 0.25 WP |
| 3 | Coumatetralyl (min 98 %)                                         | Racumin 0.75 TP                                                              |
| 4 | Diphacinone (min 95 %)                                           | Yasodion 0.005 G                                                             |
| 5 | Flocoumafen (min 97.8%)                                          | Storm 0.005 % block bait                                                     |
| 6 | Warfarin Sodium +<br>Salmonella var.1 7 F - 4                    | Biorat                                                                       |
| 7 | Warfarin 0.05 % +<br>Salmonella enteritidis<br>isatchenko 7. F 4 | Bà diệt chuột sinh học                                                       |
| 8 | Warfarin                                                         | Ars rat killer 0.05 % viên<br>Rat K 2 % D                                    |

|    |                                                                                     |                                                                           |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 9  | Samonella enteriditis<br>Isatchenko 10 <sup>9</sup> tế bào/ gam +<br>Cumarin 0.04 % | Miroca 10 <sup>9</sup> tế bào/ gam ,<br>Miroca 10 <sup>9</sup> tế bào/ ml |
| 10 | Sulfur 33 % + Carbon                                                                | Woolf cygar 33 %                                                          |

### 5. Kích thích sinh trưởng cây trồng - Plant growth regulator:

|    |                                                                                                                                 |                                                                                                            |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Acid Gibberellic + ZnSO <sub>4</sub> +<br>MnSO <sub>4</sub> + CuSO <sub>4</sub> + NPK +<br>FeSO <sub>4</sub> + Borax            | Vimogreen 1.34 DD                                                                                          |
| 2  | Alpha - Naphthyl acetic acid                                                                                                    | HQ - 301 Fructonic 1 % DD                                                                                  |
| 3  | ANA, 1- NAA + β -<br>Naphtoxy acetic acid +<br>Gibberellic acid - GA 3                                                          | Kích phát tố hoa - trái Thiên<br>Nông                                                                      |
| 4  | Auxins 11 mg/l + Cytokinins<br>0.031 mg/l + Gibberellic                                                                         | Kelpak SL                                                                                                  |
| 5  | Cytokinin ( Zeatin)                                                                                                             | Agrispon 0.56 SL                                                                                           |
| 6  | Ethephon                                                                                                                        | Callel 2.5 Past<br>Ethrel 2.5 LS, 10 LS, 480 L<br>Forgrow 2.5 Past, 5 Past, 10<br>Past                     |
| 7  | Gibberellic                                                                                                                     | Kích phát tố lá , hạt Thiên<br>Nông GA - 3<br>Gibgro T 20 tablets, 10 powder<br>Progibb T 20 tablet, 10 SP |
| 8  | Gibberellic acid + NPK +<br>Vi lượng                                                                                            | Lục diệp tố 1 lỏng                                                                                         |
| 9  | Oligo - sacarit                                                                                                                 | T & D 4 DD                                                                                                 |
| 10 | 6 - Furfurylaminopurine + 6-<br>Benzylaminopurine + α -<br>Naphthalone Acetic Acid                                              | Biofa - 1290 VL                                                                                            |
| 11 | α - Naphthyl Acetic Acid +<br>β Naphthoxy - Acetic Acid +<br>ZnSO <sub>4</sub> + MgSO <sub>4</sub> + CuSO <sub>4</sub> +<br>NPK | Vipac 88                                                                                                   |

|    |                                                                                                                                   |                                                                      |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 12 | $\alpha$ - Naphthyl Acetic Acid +<br>$\beta$ - Naphthoxy Acetic Acid +<br>$\text{ZnSO}_4 + \text{CuSO}_4 + \text{NPK}$            | Viprom                                                               |
| 13 | $\alpha$ - Naphthyl Acetic Acid +<br>$\beta$ - Naphthoxy Acetic Acid +<br>$\text{ZnSO}_4 + \text{Borax} + \text{CuSO}_4 +$<br>NPK | Vikiپی                                                               |
| 14 | $\beta$ - Naphthoxy Acetic Acid +<br>Ethanol + nước                                                                               | ViTĐQ 40                                                             |
| 15 | NAA + $\alpha$ - Naphthyl acetic<br>acid                                                                                          | HQ 101                                                               |
| 16 | NAA                                                                                                                               | Flower - 95 0.3 DD<br>HD 207 1 lỏng                                  |
| 17 | Sodium - 5 -<br>Nitroguaiacolate + Sodium -<br>O - Nitrophenolate + Sodium<br>- P - Nitrophenolate                                | Atonik 1.8 DD , 5 G<br>Ausin 1.8 EC<br>Better 1.8 DD<br>Canik 1.8 DD |
| 18 | Sodium - 5 -<br>Nitroguaiacolate + Sodium -<br>O - Nitrophenolate + Sodium<br>- P - Nitrophenolate + 2.4 D                        | Aron 1.95 lỏng<br><br>Dekamon 22.43 L<br>Litosen 1.95 EC, 0.59 G     |

#### 6. Chất dẫn dụ côn trùng - insect attractant :

|   |                                     |                               |
|---|-------------------------------------|-------------------------------|
| 1 | Metyl eugenol 75 % +<br>Dibrom 25 % | Ruvacon 90 L<br><br>Vizubon D |
|---|-------------------------------------|-------------------------------|

#### 7. Thuốc trừ ốc sên - Mollusticide:

|   |             |                              |
|---|-------------|------------------------------|
| 1 | Metaldehyde | Deadline - 40 4 % cream line |
|---|-------------|------------------------------|

|                                                       |                                                                                    |                                                                      |
|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
|                                                       |                                                                                    | Deadline Bullets 4 %                                                 |
|                                                       |                                                                                    | Yellow - K 4 BR                                                      |
| <b>8. Chất hỗ trợ (chất trái) - Spray adjuvant:</b>   |                                                                                    |                                                                      |
| 1                                                     | Poly (oxyethylene) 14 % +<br>Poly (oxypropylene) 12 %                              | Greemax 26 EC                                                        |
| <b>II. THUỐC TRỪ MỐI - TERMITICIDE :</b>              |                                                                                    |                                                                      |
| 1                                                     | Chlorpyrifos (min 94 %)                                                            | Lentrek 40 EC                                                        |
| 2                                                     | Deltamethrin (min 98 %)                                                            | Kordon 250 TC                                                        |
| 3                                                     | Fipronil (min 97 %)                                                                | Termidor 2.5 EC                                                      |
| 4                                                     | Imidacloprid (min 99.6%)                                                           | Confidor 100 SL                                                      |
| <b>III. THUỐC BẢO QUẢN LÂM SÁN - WOOD TREATMENT :</b> |                                                                                    |                                                                      |
| 1                                                     | Cypermethrin (min 90 %)                                                            | Antiborer 10 EC<br>Celcide 10 EC                                     |
| 2                                                     | $\text{CH}_6$ ( $\text{CuSO}_4 + \text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7 + \text{CrO}_3$ ) | $\text{CH}_6$                                                        |
| 3                                                     | Muối, các oxid của Cu,<br>$\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7 + \text{Metum 5}$       | $\text{M}_1$                                                         |
| 4                                                     | Deltamethrin (Decamethrin)<br>(min 98%)                                            | Cislin 2.5 EC                                                        |
| <b>IV. THUỐC KHỬ TRÙNG KHO - FUMIGANT :</b>           |                                                                                    |                                                                      |
| 1                                                     | Thảo mộc 25 % +<br>Deltamethrin 0.024 %                                            | Gu chung jing 25 DP                                                  |
| 2                                                     | Fenitrothion (min 95 %)                                                            | Sumithion 3 D, 5 D                                                   |
| 3                                                     | Pirimiphos - Methyl<br>(min 88 %)                                                  | Actellic 2 D , 50 EC                                                 |
| 4                                                     | Deltamethrin (min 98 %)                                                            | Crackdown 10 SC<br>K - Othrin 10 ULV<br>K - Obiol <sup>®</sup> 25 WP |

**DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT  
HẠN CHẾ SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM  
LIST NAME OF PESTICIDE  
RESTRICTED TO USE IN VIETNAM**

| TT                                                                              | TÊN HOẠT CHẤT<br>(COMMON NAME) -<br>NGUYÊN LIỆU | TÊN THƯƠNG MẠI<br>(TRADE NAME)                                                       |
|---------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. THUỐC SỬ DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP - PESTICIDE<br/>USE IN AGRICULTURER :</b> |                                                 |                                                                                      |
| <b>1. Thuốc trừ sâu - Insecticide :</b>                                         |                                                 |                                                                                      |
| 1                                                                               | Carbofuran                                      | Furadan 3 G<br>Vifuran 3 H                                                           |
| 2                                                                               | Deltamethrin 2 % +<br>Dichlorvos, 13 %          | Sát Trùng Linh 15 EC                                                                 |
| 3                                                                               | Dichlorvos (DDVP)                               | Demon 50 EC                                                                          |
| 4                                                                               | Dicofol (min 95 %)                              | Kelthane 18.5 EC                                                                     |
| 5                                                                               | Dicrotophos (min 85 %)                          | Bidrin 50 EC                                                                         |
| 6                                                                               | Endosulfan (min 93 %)                           | Cyclodan 35 EC<br>Endosol 35 EC<br>Thiodan 35 EC<br>Thasodant 35 EC<br>Thiodol 35 ND |
| <b>2. Thuốc trừ bệnh hại cây trồng - Fungicide:</b>                             |                                                 |                                                                                      |
| 1                                                                               | MAFA                                            | Dinasin 6.5 SC                                                                       |
| <b>3. Thuốc trừ cỏ - Herbicide:</b>                                             |                                                 |                                                                                      |
| 1                                                                               | Paraquat (min 95 %)                             | Gramoxone 20 SL                                                                      |

#### 4. Thuốc trừ chuột - Rodenticide :

|   |                           |              |
|---|---------------------------|--------------|
| 1 | Zinc Phosphide (min 80 %) | Fokeba 20 %  |
|   |                           | QT - 92 18 % |
|   |                           | Zinphos 20 % |

#### II. THUỐC TRỪ MỐI - TERMITICIDE :

|   |                                                                                |                            |
|---|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| 1 | $\text{Na}_2\text{SiF}_6$ 50 % + $\text{HBO}_3$ 10 %<br>+ $\text{CuSO}_4$ 30 % | PMC 90 bột                 |
| 2 | $\text{Na}_2\text{SiF}_6$ 80 % + $\text{ZnCl}_2$ 20 %                          | PMs 100 bột                |
| 3 | $\text{Na}_2\text{SiF}_6$ 75 % +<br>$\text{C}_6\text{Cl}_5\text{ONa}$ 15 %     | PMD 90 bột                 |
| 4 | Pentachlorophenyl 1 % +<br>Fenvalerate 0.2 %                                   | Dầu trừ mối M - 4 1.2 lỏng |

#### III. THUỐC BẢO QUẢN LÂM SÀN - WOOD TREATMENT :

|   |                                                                                                                |                       |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|
| 1 | Methylene bis Thiocyanate 5 % + Quaternary ammonium compounds 25 %                                             | Celbrite MT 30 EC     |
| 2 | Sodium Pentachlorophenate monohydrate                                                                          | Copas NAP 90 G        |
| 3 | Sodium Tetraboratedecahydrate 54 % + Boric acid 36%                                                            | Celbor 90 SP          |
| 4 | Tribromophenol                                                                                                 | Injecta AB 30 L       |
| 5 | Tributyl tin naphthenate                                                                                       | Timber life 16 L      |
| 6 | $\text{CuSO}_4$ 50 % + $\text{K}_2\text{Cr}_2\text{O}_7$ 50%                                                   | $\text{XM}_5$ 100 bột |
| 7 | $\text{ZnSO}_4 \cdot 7\text{H}_2\text{O}$ 60 % + NaF 30 % + phụ gia 10 %                                       | $\text{LN}_5$ 90 bột  |
| 8 | $\text{C}_6\text{Cl}_5\text{ONa}$ 60 % + NaF 30 % + phụ gia 10 %                                               | P - NaF 90 bột        |
| 9 | $\text{C}_6\text{Cl}_5\text{ONa}$ 50 % + $\text{Na}_2\text{B}_4\text{O}_7$ 25 % + $\text{H}_3\text{BO}_3$ 25 % | PBB 100 bột           |

|    |                                                                                          |                |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 10 | $\text{SO}_4(\text{NH}_4)_2$ 92 % +<br>NaF 8 %                                           | PCC 100 bột    |
| 11 | $\text{C}_6\text{Cl}_5\text{OH}$ 5 % +<br>$\text{C}_6\text{H}_5\text{O}_5\text{N}_2$ 2 % | CMM 7 dầu lỏng |

#### IV. THUỐC KHỬ TRÙNG KHO - FUMIGANT :

|   |                     |                                                                                                                              |
|---|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Aluminium Phosphide | Celphos 56 % tablet<br>Gastoxin 56.8 GE<br>Fumitoxin 55 % tablets<br>Phostoxin 56 % viên tròn, viên dẹt<br>Quickphos 56 viên |
| 2 | Magnesium phosphide | Magtoxin 66 tablet , pellet                                                                                                  |
| 3 | Methyl Bromide      | Brom - O - Gas 98 %<br>Dowfome 98 %<br>Meth - O - gas 98 %                                                                   |

**DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT  
CẤM SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM  
LIST OF PESTICIDE BANNED  
TO USE IN VIETNAM**

| Số<br>TT                            | TÊN CHUNG (COMMON NAMES) - TÊN THƯƠNG<br>MẠI (TRADE NAMES)                                                                                                     |
|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Thuốc trừ sâu - Insecticides</b> |                                                                                                                                                                |
| 1                                   | Aldrin ( Aldrex, Aldrite ...)                                                                                                                                  |
| 2                                   | BHC , Lindane (Gamma - BHC, Gamma - HCH, Gamatox 15<br>EC, 20 EC, Lindafor , Carbadan 4/4 G ; Sevidol 4/4 G ... )                                              |
| 3                                   | Cadmium compound (Cd)                                                                                                                                          |
| 4                                   | Chlordane (Chlorotox, Octachlor, Pentichlor...)                                                                                                                |
| 5                                   | DDT (Ncôcid, Pentachlorin , Chlorophenothane...)                                                                                                               |
| 6                                   | Dieldrin (Dioldrex, Dioldrite, Octalox ...)                                                                                                                    |
| 7                                   | Eldrin (Hexadrin... )                                                                                                                                          |
| 8                                   | Heptachlor (Drimech, Heptamul, Heptox...)                                                                                                                      |
| 9                                   | Isobenzene                                                                                                                                                     |
| 10                                  | Isodrin                                                                                                                                                        |
| 11                                  | Lead compound (Pb)                                                                                                                                             |
| 12                                  | Methamidophos : ( Dynamite 50 SC , Filitox 70 SC, Master<br>50 EC , 70 SC, Monitor 50 EC, 60 SC, Isometha 50 DD , 60<br>DD, Isosuper 70 DD , Tamaron 50 EC...) |
| 13                                  | Methyl Parathion ( Danacap M 25, M 40 ; Folidol - M 50 EC<br>; Isomethyl 50 ND; Metaphos 40 EC, 50 EC; (Methyl                                                 |

|    |                                                                                                      |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | Parathion) 20 EC , 40 EC , 50 EC ; Milion 50 EC ; Proteon 50 EC; Romethyl 50 ND ; Wofatox 50 EC ...) |
| 14 | Monocrotophos : (Apadrin 50 SL, Magic 50 SL, Nuvacron 40 SCW/DD , 50 SCW/DD, Thunder 515 DD...)      |
| 15 | Parathion Ethyl (Alkexon , Orthophos, Thiopphos...)                                                  |
| 16 | Phosphamidon (Dimecron 50 SCW / DD...)                                                               |
| 17 | Polychlorocamphene (Toxaphene, Camphechlor...)                                                       |
| 18 | Strobane (Polychlorinate of camphene )                                                               |

### **Thuốc trừ bệnh hại cây trồng - Fungicides:**

|   |                                                |
|---|------------------------------------------------|
| 1 | Arsenic compound (As) except Dinasin           |
| 2 | Captan (Captane 75 WP, Merpan 75 WP ...)       |
| 3 | Captafol (Difolatal 80 WP , Folcid 80 WP ... ) |
| 4 | Hexachlorobenzene (Anticaric , HCB... )        |
| 5 | Mercury compound (Hg)                          |
| 6 | Selenium compound (Se)                         |

### **Thuốc trừ chuột - Rodenticide:**

|   |                      |
|---|----------------------|
| 1 | Talium compound (TI) |
|---|----------------------|

### **Thuốc trừ cỏ - Herbicide :**

|   |                                           |
|---|-------------------------------------------|
| 1 | 2.4.5 T (Brochtox , Decamine , Veon ... ) |
|---|-------------------------------------------|

**TÊN THƯƠNG MẠI THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT  
ĐƯỢC PHÉP SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM  
LIST OF TRADE NAME OF PESTICIDES  
PERMITTED TO USE IN VIETNAM**

| TT                                                                            | TÊN THƯƠNG MẠI<br>(TRADE NAME )    | TÊN HOẠT CHẤT -<br>NGUYÊN LIỆU<br>(COMMON NAME) |
|-------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------|
| <b>I. THUỐC SỬ DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP - PESTICIDE<br/>USE IN AGRICULTURER</b> |                                    |                                                 |
| <b>1. Thuốc trừ sâu - Insecticide :</b>                                       |                                    |                                                 |
| 1                                                                             | (Omethoate + Fenvalerate)<br>30 EC | Omethoate 20 % +<br>Fenvalerate 10 %            |
| 2                                                                             | (Rotenone )                        | Rotenone                                        |
| 3                                                                             | Địch Bách Trùng 90 SP              | Trichlorfon (Chlorophos)<br>(min 97% )          |
| 4                                                                             | Access 180 EC                      | Fipronil 20 g/l +<br>Fenobucarb 160 g/l         |
| 5                                                                             | Actara 25 WG                       | Thiamethoxam (min 95 %)                         |
| 6                                                                             | Admire 050 EC                      | Imidacloprid (min 99.6 %)                       |
| 7                                                                             | Agroperin 10 EC                    | Permethrin (min 92 %)                           |
| 8                                                                             | Agrozinon 60 EC                    | Diazinon (min 95 %)                             |
| 9                                                                             | Alfapathrin 10 EC                  | Fenpropathrin (min 96 %)                        |
| 10                                                                            | Alfatap 95 SP                      | Cartap (min 97 %)                               |
| 11                                                                            | Alfathrin 5 EC                     | Alpha - Cypermethrin                            |
| 12                                                                            | Alfatin 1.8 EC                     | Abamectin                                       |
| 13                                                                            | Alpha 5 EC                         | Alpha - Cypermethrin                            |
| 14                                                                            | Alphacy 5 EC, 10 EC                | Alpha - Cypermethrin                            |

|    |                           |                                           |
|----|---------------------------|-------------------------------------------|
| 15 | Alphago 5 EC              | Esfenvalerate (min 83 %)                  |
| 16 | Alphan 5 EC               | Alpha - Cypermethrin                      |
| 17 | Ambush 50 EC              | Permethrin (min 92 %)                     |
| 18 | Anitox 50 EC              | Acephate ( min 97%)                       |
| 19 | Anphatox 5 EC             | Alpha - Cypermethrin                      |
| 20 | Apolo 25 WP               | Buprofezin (min 98 %)                     |
| 21 | Appencyper 35 EC          | Cypermethrin (min 90 %)                   |
| 22 | Appenphate 75 SP          | Acephate ( min 97%)                       |
| 23 | Applaud - Bas 27 BTN      | Buprofezin 7 % +<br>Fenobucarb 20 %       |
| 24 | Applaud - Mipe 25 BHN     | Buprofezin 5.0 % +<br>Isoprocarb 20.0 %   |
| 25 | Applaud 10 WP             | Buprofezin (min 98 %)                     |
| 26 | Apromip 25 WP             | Buprofezin 5.0 % +<br>Isoprocarb 20.0 %   |
| 27 | Army 10 EC                | Permethrin (min 92 %)                     |
| 28 | Arrivo 5 EC, 10 EC, 25 EC | Cypermethrin (min 90 %)                   |
| 29 | Asataf 75 SP              | Acephate ( min 97%)                       |
| 30 | Asitrin 10 EC             | Permethrin (min 92 %)                     |
| 31 | Atabron 5 EC              | Chlorfluazuron (min 94%)                  |
| 32 | Aza 0.15 EC               | Azadirachtin                              |
| 33 | Azinon 50 EC              | Diazinon (min 95 %)                       |
| 34 | Aztron 7000 DBMU          | Bacillus thuringiensis<br>(var. aizawai)  |
| 35 | B - N 5 H                 | Isoprocarb 3 % +<br>Dimethoate 2 %        |
| 36 | Bacterin B.T WP           | Bacillus thuringiensis<br>(var. Kurstaki) |
| 37 | Bai 58-40 EC              | Dimethoate (min 95 %)                     |
| 38 | Baseide 50 EC             | Fenobucarb (min 96 %)                     |
| 39 | Bassa 50 EC               | Fenobucarb (min 96 %)                     |

|    |                                  |                                          |
|----|----------------------------------|------------------------------------------|
| 40 | Bassan 50 EC                     | Fenobucarb (min 96 %)                    |
| 41 | Bassatigi 50 ND                  | Fenobucarb (min 96 %)                    |
| 42 | Basudin 40 EC                    | Diazinon (min 95 %)                      |
| 43 | Basudin 50 EC/ND, 5 G,<br>10 G/H | Diazinon (min 95 %)                      |
| 44 | Basutigi 40ND, 50ND, 10 H        | Diazinon (min 95 %)                      |
| 45 | Batik 11500 IUT.ni/mg SC         | Bacillus thuringiensis<br>(var.Kurstaki) |
| 46 | Baythroid 5 SL, 050 EC           | Cyfluthrin (min 93%)                     |
| 47 | BB - Tigi 5 H                    | Dimethoate 3 % +<br>Fenobucarb 2 %       |
| 48 | Beauverine                       | Beauveria bassiana                       |
| 49 | Bestox 5 EC                      | Alpha - Cypermethrin                     |
| 50 | Bi - 58 40 EC, 50 EC             | Dimethoate (min 95 %)                    |
| 51 | Bian 40 EC , 50 EC               | Dimethoate (min 95 %)                    |
| 52 | Bifentox 30 ND                   | Dimethoate 20 % +<br>Fenvalerate 10 %    |
| 53 | Binh - 58 40 EC                  | Dimethoate (min 95 %)                    |
| 54 | Binhdan 95 WP, 18 SL             | Nereistoxin (Dimehypo)<br>(min 90 %)     |
| 55 | Bini 58 40 EC                    | Dimethoate (min 95 %)                    |
| 56 | Biobit 16 K WP, 32 B FC          | Bacillus thuringiensis<br>(var.Kurstaki) |
| 57 | Biocin 16 WP                     | Bacillus thuringiensis<br>(var.Kurstaki) |
| 58 | Bitox 40 EC, 50 EC               | Dimethoate (min 95 %)                    |
| 59 | BM - Tigi 5 H                    | Dimethoate 2 % +<br>Isoprocarb 3 %       |
| 60 | BTB 16 BTN                       | Bacillus thuringiensis<br>(var.Kurstaki) |
| 61 | Bulldock 025 EC                  | Beta - Cyfluthrin (min 96.2 %)           |

|    |                                           |                                      |
|----|-------------------------------------------|--------------------------------------|
| 62 | Butyl 10 WP                               | Buprofezin (min 98 %)                |
| 63 | Callous 500 EC                            | Profenofos (min 87%)                 |
| 64 | Canthoate 40 EC , 50 EC                   | Dimethoate (min 95 %)                |
| 65 | Cantocidin 20 EC                          | Fenvalerate (min 92 %)               |
| 66 | Capcin 20 EC , 25 WP                      | Isoprocarb                           |
| 67 | Caradan 5 H                               | Fenobucarb 2 % +<br>Dimethoate 3 %   |
| 68 | Carbavin 85 WP                            | Carbaryl (min 99.0 %)                |
| 69 | Cardan 95 SP                              | Cartap (min 97 %)                    |
| 70 | Carmethrin 10 EC, 25 EC                   | Cypermethrin (min 90 %)              |
| 71 | Carto - Alpha 5 EC                        | Esfenvalerate (min 83 %)             |
| 72 | Cascade * 5 EC                            | Flufenoxuron (min 98 %)              |
| 73 | Catodan 95 WP, 90 WP,<br>18 SL, 4 H, 10 H | Ncreistoxin (Dimehypo)<br>(min 90 %) |
| 74 | Cazinon 50 ND, 10 H                       | Diazinon (min 95 %)                  |
| 75 | Chix 2.5 EC                               | Beta - Cypermethrin<br>(min 98.0 %)  |
| 76 | Chlorban 20 EC                            | Chlorpyrifos (min 94 %)              |
| 77 | Comet 85 WP                               | Carbaryl (min 99.0 %)                |
| 78 | Comite <sup>(R)</sup> 73 EC               | Propargite (min 85 %)                |
| 79 | Confidor 0.05 EC, 100 SL                  | Imidacloprid (min 99.6 %)            |
| 80 | Cymbush 5 EC, 10 EC                       | Cypermethrin (min 90 %)              |
| 81 | Cymerin 5EC, 10EC, 25 EC                  | Cypermethrin (min 90 %)              |
| 82 | Cymkill 10 EC, 25 EC                      | Cypermethrin (min 90 %)              |
| 83 | Cypdime (558) 10 EC                       | Dimethoate 8 % +<br>Cypermethrin 2 % |
| 84 | Cyper 25 EC                               | Cypermethrin (min 90 %)              |
| 85 | Cyper - Alpha 5 ND                        | Alpha - Cypermethrin                 |
| 86 | Cyperan 5 EC, 10 EC, 25 EC                | Cypermethrin (min 90 %)              |
| 87 | Cyperkill 10 EC , 25 EC                   | Cypermethrin (min 90 %)              |

|     |                                 |                                           |
|-----|---------------------------------|-------------------------------------------|
| 88  | Cypermap 10 EC , 25 EC          | Cypermethrin (min 90 %)                   |
| 89  | Cypersect 5 EC , 10 EC          | Cypermethrin (min 90 %)                   |
| 90  | Cyrin 25 EC, 20 EC, 10 EC       | Cypermethrin (min 90 %)                   |
| 91  | Cyrux 25 EC                     | Cypermethrin (min 90 %)                   |
| 92  | D - C - Tron Plus 98.8 EC       | Petroleum sprayoil                        |
| 93  | Dadeci EC                       | Deltamethrin 6.25 % +<br>Buprofezin 50 %  |
| 94  | Dandy 15 EC                     | Pyridaben (min 95 %)                      |
| 95  | Danitol 10 EC                   | Fenpropathrin (min 96 %)                  |
| 96  | Danitol - S 50 EC               | Fenitrothion 45 % +<br>Fenpropathrin 5 %  |
| 97  | Decis 2.5 EC, 25 tab            | Deltamethrin (min 98 %)                   |
| 98  | Delfin WG (32 BIU)              | Bacillus thuringiensis<br>(var. Kurstaki) |
| 99  | Deltaguard 2.5 EC               | Deltamethrin (min 98 %)                   |
| 100 | Deltax 2.5 EC                   | Deltamethrin (min 98 %)                   |
| 101 | Diamix 5/5 G                    | Diazinon 5 % + Isoproc carb 5%            |
| 102 | Diaphos 50EC, 10 G              | Diazinon (min 95 %)                       |
| 103 | Diazan 60 EC, 50 ND, 10 H       | Diazinon (min 95 %)                       |
| 104 | Diazol 60 EC                    | Diazinon (min 95 %)                       |
| 105 | Dibadan 95 WP                   | Nereistoxin (Dimehypo)<br>(min 90 %)      |
| 106 | Dibamerin 5 EC, 10 EC,<br>25 EC | Cypermethrin (min 90 %)                   |
| 107 | Dibathoate 40 EC, 50 EC         | Dimethoate (min 95 %)                     |
| 108 | Dibrom 50 EC, 96 EC             | Naled (Bromchlophos)<br>(min 93 %)        |
| 109 | Difetigi 75 EC                  | Fenitrothion 45 % +<br>Fenoburcarb 30 %   |
| 110 | Difluent 10 WP                  | Buprofezin (min 98 %)                     |

|     |                      |                                             |
|-----|----------------------|---------------------------------------------|
| 111 | Dimecide 40 EC       | Dimethoate (min 95 %)                       |
| 112 | Dimenat 40 EC        | Dimethoate (min 95 %)                       |
| 113 | Dipel 3.2 WP, 6.4 DF | Bacillus thuringiensis<br>(var. Kurstaki)   |
| 114 | Dithoate 40 EC       | Dimethoate (min 95 %)                       |
| 115 | Dizorin 35 EC        | Dimethoate 300 g/l +<br>Cypermethrin 50 g/l |
| 116 | Elsan 50 EC          | Phenthoate (Dimephenthoate)<br>(min 92 %)   |
| 117 | Encofen 50 EC        | Fenthion (min 99.7%)                        |
| 118 | Encofenva 20 EC      | Fenvalerate (min 92 %)                      |
| 119 | Encofezin 10 WP      | Buprofezin (min 98 %)                       |
| 120 | Esfel 5 EC           | Esfenvalerate (min 83 %)                    |
| 121 | Excel Basa 50 ND     | Fenobucarb (min 96 %)                       |
| 122 | Factor 50 EC         | Fenitrothion (min 95 %)                     |
| 123 | Fantasy 20 EC        | Fenvalerate (min 92 %)                      |
| 124 | Fastkill 2.5 EC      | Lambda cyhalothrin<br>(min 81 %)            |
| 125 | Fastac 5 EC          | Alpha - Cypermethrin                        |
| 126 | Fastocid 5 EC        | Alpha - Cypermethrin                        |
| 127 | Fenbis 25 EC         | Fenvalerate 3.5 % +<br>Dimethoate 21.5 %    |
| 128 | Fenkill 20 EC        | Fenvalerate (min 92 %)                      |
| 129 | Fentac 2 EC          | Alpha - Cypermethrin                        |
| 130 | Fenthomap 75 EC      | Fenobucarb 45 % +<br>Phenthoate 30 %        |
| 131 | Fentox 25 EC         | Fenvalerate 3.5 % +<br>Dimethoate 21.5 %    |
| 132 | Fezmet 40 EC         | Dimethoate (min 95 %)                       |
| 133 | First 20 EC          | Fenvalerate (min 92 %)                      |
| 134 | Flibol 50 EC, 96 EC  | Naled (Bromchlophos)<br>(min 93 %)          |

|     |                                             |                                               |
|-----|---------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| 135 | Forcin 50 EC                                | Fenobucarb (min 96 %)                         |
| 136 | Forgon 40 EC, 50 EC                         | Dimethoate (min 95 %)                         |
| 137 | Forsan 50 EC, 60 EC                         | Phenthoate (Dimephenthoate)<br>(min 92 %)     |
| 138 | Fortac 5 EC                                 | Alpha - Cypermethrin                          |
| 139 | Fortenone 5 WP                              | Rotenone                                      |
| 140 | Forvin 85 WP                                | Carbaryl (min 99.0 %)                         |
| 141 | Forwabit 16 WP, 32 Past                     | Bacillus thuringiensis<br>(var. Kurstaki)     |
| 142 | Forwathion 50 EC                            | Fenitrothion (min 95 %)                       |
| 143 | Forwatin C 44 WSC                           | Cypermethrin 40 g/l +<br>Profenofos 400 g/l   |
| 144 | Fullkill 10 EC, 50 EC                       | Permethrin (min 92 %)                         |
| 145 | Gaucht 70 WS, 020 FS,<br>600 FS             | Imidacloprid (min 99.6 %)                     |
| 146 | Hopfa 41 EC                                 | Alpha - Cypermethrin 1 % +<br>Fenobucarb 40 % |
| 147 | Hopkill 50 ND                               | Fenobucarb (min 96 %)                         |
| 148 | Hoppecin 50 EC                              | Fenobucarb (min 96 %)                         |
| 149 | Hopsan 75 ND                                | Fenobucarb 30 % +<br>Phenthoate 45 %          |
| 150 | Hostathion 20 EC, 40 EC                     | Triazophos (min 92 %)                         |
| 151 | Karate Zeon 2.5 CS                          | Lambdacyhalothrin (min 81%)                   |
| 152 | Karphos 2 D                                 | Isoxathion                                    |
| 153 | Kayazinon 40 EC, 50 EC,<br>60 EC, 5 G, 10 G | Diazinon (min 95 %)                           |
| 154 | Kinalux 25 EC                               | Quinalphos (min 70 %)                         |
| 155 | Knockdown 75 ND                             | Fenobucarb 45 % +<br>Phenthoate 30 %          |
| 156 | Kuang Hwa Bao WP 16000<br>IU / mg           | Bacillus thuringiensis<br>(var. Kurstaki)     |
| 157 | Kuang Hwa Din 20 EC                         | Fenvalerate (min 92 %)                        |
| 158 | Lancer 40 EC, 50 SP, 75 SP                  | Acephate ( min 97%)                           |

|     |                               |                                          |
|-----|-------------------------------|------------------------------------------|
| 159 | Lannate 40 SP                 | Methomyl (min 98.5%)                     |
| 160 | Larvin 75 WP                  | Thiodicarb (min 96 %)                    |
| 161 | Lebaycid 50 EC, 500 EC        | Fenthion (min 99.7%)                     |
| 162 | Leva 10 EC, 20 EC             | Fenvalerate (min 92 %)                   |
| 163 | Lorsban 30 EC                 | Chlorpyrifos (min 94 %)                  |
| 164 | Mace 75 SP                    | Acephate ( min 97%)                      |
| 165 | Malate 73 EC                  | Malathion (min 95 %)                     |
| 166 | Malfic 50 EC                  | Malathion (min 95 %)                     |
| 167 | Malvate 21 EC                 | Malathion 15 % +<br>Fenvalerate 6 %      |
| 168 | Map-Permethrin 10EC,50EC      | Permethrin (min 92 %)                    |
| 169 | Mapan 95 SP, 10 G             | Carbaryl (min 99.0 %)                    |
| 170 | Marshal 200 SC, 5 G           | Carbosulfan (min 93%)                    |
| 171 | Match 050 EC/ND               | Lufenuron (min 96 %)                     |
| 172 | Meta 2.5 EC                   | Deltamethrin (min 98 %)                  |
| 173 | Metox 809 8 EC                | Cypermethrin 2.0 % +<br>Isoprocab 6.0 %  |
| 174 | Mimic <sup>®</sup> 20 F       | Tebufenozide (min 99.6%)                 |
| 175 | Mipcide 20 ND                 | Isoprocab                                |
| 176 | Mitac 20 EC                   | Amitraz (min 97 %)                       |
| 177 | Mocap 10 G                    | Ethoprophos (min 94%)                    |
| 178 | Monster 40 EC, 75 WP          | Acephate ( min 97%)                      |
| 179 | Mospilan 3 EC                 | Acetamiprid (99.57 %)                    |
| 180 | Motox 5 EC                    | Alpha - Cypermethrin                     |
| 181 | Muskardin                     | Beauveria bassiana                       |
| 182 | MVP 10 FS                     | Bacillus thuringiensis<br>(var.Kurstaki) |
| 183 | Mytox 75 SP                   | Acephate ( min 97%)                      |
| 184 | Neem Bond - A EC<br>(1000ppm) | Azadirachtin                             |
| 185 | Neretox 95 WP, 18 SL          | Nereistoxin (Dimehypo)<br>(min 90 %)     |

|     |                               |                                              |
|-----|-------------------------------|----------------------------------------------|
| 186 | Netoxin 18 DD, 90 BHN, 95 BHN | Nereistoxin (Dimehypo) (min 90 %)            |
| 187 | Nibas 50 ND                   | Fenobucarb (min 96 %)                        |
| 188 | Nice 50 EC                    | Phenthoate (Dimephenthoate) (min 92 %)       |
| 189 | Nimbecidine 0.03 EC           | Azadirachtin                                 |
| 190 | Nissorun 5 EC                 | Hexythiazox (min 94 %)                       |
| 191 | Nitox 30 EC                   | Dimethoate 27.0 % + Cypermethrin 3.0 %       |
| 192 | Nockthrin 10 EC, 25 EC        | Cypermethrin (min 90 %)                      |
| 193 | Nokaph 10 G, 20 EC            | Ethoprophos (min 94 %)                       |
| 194 | Nugor 40 EC                   | Dimethoate (min 95 %)                        |
| 195 | Nurelle D 25/2.5 EC           | Chlorpyrifos 250 g/l + Cypermethrin 25 g/l   |
| 196 | Ofatox 400 EC, 400 WP         | Fenitrothion 200 g/kg + Trichlorfon 200 g/kg |
| 197 | Ofunack 40 EC                 | Pyridaphenthion (min 95%)                    |
| 198 | Oncol 20 EC, 25 WP, 5 G       | <i>Benfuracarb (min 92 %)</i>                |
| 199 | Orthene 97 Pellet             | Acephate ( min 97 %)                         |
| 200 | Ortus 5 SC                    | Fenpyroximate (min 96 %)                     |
| 201 | Pace 75 SP                    | Acephate ( min 97%)                          |
| 202 | Padan 50 SP, 95 SP, 4G, 10 G  | Carbaryl (min 99.0 %)                        |
| 203 | Para 43 SC                    | Carbaryl (min 99.0 %)                        |
| 204 | Pathion 20 EC                 | Fenvalerate (min 92 %)                       |
| 205 | Pegasus 500 SC                | Diafenthion (min 97 %)                       |
| 206 | PER annong 500 EC             | Permethrin (min 92 %)                        |
| 207 | Peran 10 EC , 50 EC           | Permethrin (min 92 %)                        |
| 208 | Perfekthion 40 EC             | Dimethoate (min 95 %)                        |
| 209 | Perkill 10 EC , 50 EC         | Permethrin (min 92 %)                        |
| 210 | Permecide 10 EC               | Permethrin (min 92 %)                        |
| 211 | Pertox 5 EC                   | Alpha - Cypermethrin                         |
| 212 | Phantom 60 EC                 | Diazinon (min 95 %)                          |

|     |                                                             |                                                          |
|-----|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| 213 | Phenat 50 EC                                                | Phenthoate (Dimephenthoate)<br>(min 92 %)                |
| 214 | Phetho 50 ND                                                | Phenthoate (Dimephenthoate)<br>(min 92 %)                |
| 215 | Polo 500 SC                                                 | Diafenthiuron (min 97 %)                                 |
| 216 | Polytrin C 440 EC / ND                                      | Cypermethrin 40 g/l +<br>Profenofos 400 g/l              |
| 217 | Polytrin P 440 EC / ND                                      | Cypermethrin 40 g/l +<br>Profenofos 400 g/l              |
| 218 | Pounce 10 EC, 1.5 G                                         | Permethrin (min 92 %)                                    |
| 219 | Power 5 EC                                                  | Cypermethrin (min 90 %)                                  |
| 220 | Proclaim 1.9 EC/ND                                          | Emamectin (Avermectin B1a<br>90 % + Avermectin B1b 10 %) |
| 221 | Prodigy 23 F                                                | Methoxyfenozide (min 95 %)                               |
| 222 | Profezin 10 WP                                              | Buprofezin (min 98 %)                                    |
| 223 | Punix 5.5 EC, 25 EC                                         | Cypermethrin (min 90 %)                                  |
| 224 | Pycythrín 5 EC                                              | Cypermethrin (min 90 %)                                  |
| 225 | Pyenthoate 50 EC                                            | Phenthoate (Dimephenthoate)<br>(min 92 %)                |
| 226 | Pyrinex 20 EC                                               | Chlorpyrifos (min 94 %)                                  |
| 227 | Pyvalerate 20 EC                                            | Fenvalerate (min 92 %)                                   |
| 228 | Pyxoate 44 EC                                               | Dimethoate (min 95 %)                                    |
| 229 | Pyxolone 35 EC                                              | Phosalone                                                |
| 230 | Quada 15 WP                                                 | Tebufenozide 5 % +<br>Buprofezin 10 %                    |
| 231 | Ralothrin 20 E                                              | Cypermethrin (min 90 %)                                  |
| 232 | Regent 5 SC, 0.2 G, 0.3 G,<br>800 WG                        | Fipronil (min 97 %)                                      |
| 233 | Rotecide 2 DD                                               | Rotenone                                                 |
| 234 | Rothoate 50 EC, 40 WP                                       | Phenthoate (Dimephenthoate)<br>(min 92 %)                |
| 235 | Rufast 3 EC                                                 | Acrinathrin (min 99.0%)                                  |
| 236 | Sát trùng đơn (Sát trùng đan)<br>95 BTN, 90 BTN, 18 SL, 5 H | Nereistoxin (Dimechypo)<br>(min 90 %)                    |

|     |                                                                |                                            |
|-----|----------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 237 | Sadavi 95 WP                                                   | Nereistoxin (Dimehypo)<br>(min 90 %)       |
| 238 | Sagolex 30 EC                                                  | Fenitrothion 25 % +<br>Fenvalerate 5 %     |
| 239 | Sagomycin 10 EC, 20 EC,<br>10 ME                               | Fenvalerate (min 92 %)                     |
| 240 | Sagothion 50 EC                                                | Fenitrothion (min 95 %)                    |
| 241 | Saivin 430 SC                                                  | Carbaryl (min 99.0 %)                      |
| 242 | Saliphos 35 EC                                                 | Phosalone                                  |
| 243 | Sanedan 95 WP                                                  | Nereistoxin (Dimchypo)<br>(min 90 %)       |
| 244 | Sanpyriphos 20 EC, 48 EC                                       | Chlorpyrifos (min 94 %)                    |
| 245 | Sanvalerate 200 EC                                             | Fenvalerate (min 92 %)                     |
| 246 | Sapen - Alpha 5 EC                                             | Alpha - Cypermethrin                       |
| 247 | Scout 1.6 EC, 3.6 EC, 1.4 SC                                   | Tralomethrin (min 93%)                     |
| 248 | Seba 4.10 <sup>9</sup> PIB/ml, 2. 10 <sup>10</sup><br>PIB/g    | NPV (Nuclear polyhedrosis<br>virus)        |
| 249 | Sebaryl 85 BHN                                                 | Carbaryl (min 99.0 %)                      |
| 250 | Sec SaiGon 5 EC, 10 EC,<br>25 EC, 30 EC, 50 EC,<br>5 ME, 10 ME | Cypermethrin (min 90 %)                    |
| 251 | Secure 10 EC                                                   | Chlorfenapyr                               |
| 252 | Selecron 500 EC/ND                                             | Profenofos (min 87%)                       |
| 253 | Sevin 85 WP, 43 FW, 85 S                                       | Carbaryl (min 99.0 %)                      |
| 254 | Sha Chong Jing 95 WP                                           | Nereistoxin (Dimehypo)<br>(min 90 %)       |
| 255 | Shachong Shuang 18 SL,<br>90 WP, 95 WP                         | Nereistoxin (Dimehypo)<br>(min 90 %)       |
| 256 | Sherbush 5 ND, 10 ND,<br>25 ND                                 | Cypermethrin (min 90 %)                    |
| 257 | Sherpa 10 EC, 25 EC                                            | Cypermethrin (min 90 %)                    |
| 258 | Sdertox 10 EC                                                  | Cypermethrin (min 90 %)                    |
| 259 | Sherzol EC                                                     | Phosalone 175 g/l +<br>Cypermethrin 30 g/l |

|     |                            |                                             |
|-----|----------------------------|---------------------------------------------|
| 260 | Silatop 20 EW, 7 EW        | Silafluofen                                 |
| 261 | Sirbon 5 EC                | Halfenprox (min 94.5%)                      |
| 262 | Southsher 10 EC            | Cypermethrin (min 90 %)                     |
| 263 | Subaru 10 H                | Diazinon (min 95 %)                         |
| 264 | Subatox 75 EC              | Fenitrothion 45 % +<br>Fenoburcarb 30 %     |
| 265 | Success 25 SC              | Spinosad (min 96.4%)                        |
| 266 | Suco - F 30 ND             | Fenitrothion 25 % +<br>Fenvalerate 5 %      |
| 267 | Suco 50 ND                 | Fenitrothion (min 95 %)                     |
| 268 | Sudin 20 EC                | Fenvalerate (min 92 %)                      |
| 269 | Sumi - Alpha 5 EC          | Esfenvalerate (min 83 %)                    |
| 270 | Sumibass 75 EC             | Fenitrothion 45 % +<br>Fenoburcarb 30 %     |
| 271 | Sumicidin 10 EC, 20 EC     | Fenvalerate (min 92 %)                      |
| 272 | Sumicombi - Alpha 26.25 EC | Fenitrothion 25 % +<br>Esfenvalerate 1.25 % |
| 273 | Sumicombi 30 EC            | Fenitrothion 25 % +<br>Fenvalerate 5 %      |
| 274 | Sumisana 5 ND              | Esfenvalerate (min 83 %)                    |
| 275 | Sumithion 50 EC, 100 EC    | Fenitrothion (min 95 %)                     |
| 276 | Sumitigi 30 EC             | Fenitrothion 25 % +<br>Fenvalerate 5 %      |
| 277 | Summit 50 EC               | Fenobucarb (min 96 %)                       |
| 278 | Sunchlorfon 90 SP          | Trichlorfon (Chlorophos)<br>(min 97% )      |
| 279 | Sunthion 50 EC             | Fenthion (min 99.7%)                        |
| 280 | Super Kill 50 EC           | Fenobucarb (min 96 %)                       |
| 281 | Supracide 40 EC/ND         | Methidathion (min 96% )                     |
| 282 | Suprathion 40 EC           | Methidathion (min 96% )                     |
| 283 | Tafgor 40 E                | Dimethoate (min 95 %)                       |

|     |                                     |                                                                    |
|-----|-------------------------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 284 | Taginon 18 SL                       | Nereistoxin (Dimehypo)<br>(min 90 %).                              |
| 285 | Tapsa 50 EC                         | Fenobucarb (min 96 %)                                              |
| 286 | Tập Kỳ 1.8 EC                       | Abamectin                                                          |
| 287 | Thuricide HP, OF 36 BIU             | Bacillus thuringiensis<br>(var. Kurstaki)                          |
| 288 | Tigicarb 20 EC, 25 WP               | Isoprocarb                                                         |
| 289 | Tigidan 95 BHN, 4 G                 | Carbaryl (min 99.0 %)                                              |
| 290 | Tigifast 10 EC                      | Permethrin (min 92 %)                                              |
| 291 | Tiginon 90 WP, 95 WP,<br>18 DD, 5 H | Nereistoxin (Dimehypo)<br>(min 90 %)                               |
| 292 | Tigithion 40 EC/ND,<br>50 EC/ND     | Dimethoate (min 95 %)                                              |
| 293 | Timycin 20 EC                       | Fenvalerate (min 92 %)                                             |
| 294 | Tiper 25 EC                         | Cypermethrin (min 90 %)                                            |
| 295 | Tiper - Alpha 5 EC                  | Alpha - Cypermethrin                                               |
| 296 | Tizonon 50 EC                       | Diazinon (min 95 %)                                                |
| 297 | Tornado 10 EC                       | Cypermethrin (min 90 %)                                            |
| 298 | Toxcis 2.5 EC                       | Deltamethrin (min 98 %)                                            |
| 299 | TP - Pentin 15 EC                   | Fenitrothion 10.5 % +<br>Fenvalerate 1.9 % +<br>Cypermethrin 2.6 % |
| 300 | Trebon 10 EC                        | Etofenprox (min 96%)                                               |
| 301 | Trigard 75 BHN, 100 SL              | Cyromazine                                                         |
| 302 | Ustaad 5 EC, 10 EC                  | Cypermethrin (min 90 %)                                            |
| 303 | V - BT                              | Virus + Bacillus Thuringiensis<br>(var. kurstaki)                  |
| 304 | V.K 16 WP, 32 WP                    | Bacillus thuringiensis<br>(var. Kurstaki)                          |
| 305 | Vertimec 1.8 EC/ ND                 | Abamectin                                                          |
| 306 | Vi Tha Dan 95 WP                    | Nereistoxin (Dimehypo)<br>(min 90 %)                               |

|     |                                          |                                                |
|-----|------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 307 | Viaphate 75 BHN                          | Acephate ( min 97%)                            |
| 308 | Viappla 10 BTN                           | Buprofêzin (min 98 %)                          |
| 309 | Vibaba 50 ND, 10 H                       | Diazinon 30 % (6 %) +<br>Fenobucarb 20 % (4 %) |
| 310 | Vibam 5 H                                | Fenobucarb 2 % +<br>Dimethoate 3 %             |
| 311 | Vibaryl 85 BTN                           | Carbaryl (min 99.0 %)                          |
| 312 | Vibasa 50 ND                             | Fenobucarb (min 96 %)                          |
| 313 | Vibasu 40 ND, 50 ND, 5 H,<br>10 H, 10 BR | Diazinon (min 95 %)                            |
| 314 | Vicarp 95 BHN, 4 H                       | Carbaryl (min 99.0 %)                          |
| 315 | ViCIDI - M 50 ND                         | Phenthoate 48 % +<br>Etofenprox 2 %            |
| 316 | Vicin - S                                | NPV (Nuclear polyhedrosis<br>virus)            |
| 317 | Videci 2.5 ND                            | Deltamethrin (min 98 %)                        |
| 318 | Vidithoate 40 ND                         | Dimethoate (min 95 %)                          |
| 319 | Vifast 5 ND, 10 SC                       | Alpha - Cypermethrin                           |
| 320 | Vifel 50 ND                              | Phenthoate (Dimephenthoate)<br>(min 92 %)      |
| 321 | Vifenalpha 5 ND                          | Esfenvalerate (min 83 %)                       |
| 322 | Vifensu 30 ND                            | Fenitrothion 25 % +<br>Fenvalerate 5 %         |
| 323 | Vifenva 20 ND                            | Fenvalerate (min 92 %)                         |
| 324 | Vimipc 20 ND, 25 BTN                     | Isoprocarb                                     |
| 325 | Vimite 10 ND                             | Fenpropathrin (min 96 %)                       |
| 326 | Vimoca 20 ND                             | Ethoprophos (min 94%)                          |
| 327 | Vinctox 5 H, 18 DD,<br>95 BHN            | Nereistoxin (Dimehypo)<br>(min 90 %)           |
| 328 | Vipami 6.5 H                             | Cartap 4 % + Isoprocarb 2.5 %                  |
| 329 | Viphensa 50 ND                           | Phenthoate 30 % +<br>Fenobucarb 20 %           |

|     |                               |                                          |
|-----|-------------------------------|------------------------------------------|
| 330 | Viraat 23 EC                  | Cypermethrin 3 % +<br>Quinalphos 20 %    |
| 331 | Visca 5 EC                    | Alpha - Cypermethrin                     |
| 332 | Visher 25 ND, 10 EW,<br>25 EW | Cypermethrin (min 90 %)                  |
| 333 | Visumit 50 ND, 5 BR           | Fenitrothion (min 95 %)                  |
| 334 | Vitagro 50 EC                 | Fenobucarb (min 96 %)                    |
| 335 | Vitashield 40 EC              | Chlorpyrifos (min 94 %)                  |
| 336 | Voltage 50 EC                 | Pyraclofos (min 92.5 %)                  |
| 337 | Winner 50 EC                  | Fenitrothion (min 95 %)                  |
| 338 | Xentari 35 WDG                | Bacillus thuringiensis (var.<br>aizawai) |
| 339 | Zolone 35 EC                  | Phosalone                                |

## 2. Thuốc trừ bệnh hại cây trồng - Fungicide :

|    |                                            |                                                         |
|----|--------------------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 1  | (Copper Sulfate)                           | Copper Sulfate                                          |
| 2  | Đao ôn linh 40 EC                          | Isoprothiolane (min 96 %)                               |
| 3  | Đồng oxyclorea 30<br>WP/B1N, 80 B1N, 50 HP | Copper Oxychloride                                      |
| 4  | Acrobat MZ 90/600 WP                       | Dimethomorph (min 99.1%)<br>90 g/kg + Mancozeb 600 g/kg |
| 5  | Agrodazim 50 SL                            | Carbendazim (min 98%)                                   |
| 6  | Agrosan 40 EC, 50 EC                       | Edifenphos (min 87 %)                                   |
| 7  | Agrotop 70 WP                              | Thiophanate - Methyl<br>(min 93 %)                      |
| 8  | Agrozo 250 EC                              | Propiconazole (min 90 %)                                |
| 9  | Alfamil 25 WP                              | Metalaxyl (min 95 %)                                    |
| 10 | Alfaron 25 WP                              | Pencycuron (min 99 %)                                   |
| 11 | Aliette 80 WP, 800 WG                      | Fosetyl Aluminium (min 95 %)                            |
| 12 | Anlicin 5 WP                               | Validamycin (Validamycin A)<br>(min 40 %)               |
| 13 | Antracol 70 WP                             | Propineb (min 80 %)                                     |
| 14 | Anvil 5 SC                                 | Hexaconazole (min 85 %)                                 |

|    |                                 |                                                  |
|----|---------------------------------|--------------------------------------------------|
| 15 | Appencarb super 50 FL,<br>75 DF | Carbendazim (min 98%)                            |
| 16 | Apron 35 SD                     | Metalaxyl (min 95 %)                             |
| 17 | Baovil 25 WP                    | Pencycuron (min 99 %)                            |
| 18 | Batocide 12 WP                  | Streptomycin 5.4 % + Copper<br>Oxychloride 6.6 % |
| 19 | Bavisan 50 WP                   | Carbendazim (min 98%)                            |
| 20 | Bavistin 50 FL (SC)             | Carbendazim (min 98%)                            |
| 21 | Bayfidan 25 EC, 250 EC          | Triadimenol                                      |
| 22 | Bayleton 250 EC                 | Triadimefon                                      |
| 23 | Beam 75 WP                      | Tricyclazole (min 95 %)                          |
| 24 | Bemyl 50 WP                     | Benomyl (min 95 %)                               |
| 25 | Ben 50 WP                       | Benomyl (min 95 %)                               |
| 26 | Bendazol 50 WP                  | Benomyl (min 95 %)                               |
| 27 | Benex 50 WP                     | Benomyl (min 95 %)                               |
| 28 | Benlat C 50 WP                  | Copper Oxychloride 25 % +<br>Benomyl 25%         |
| 29 | Benlate 50 WP                   | Benomyl (min 95 %)                               |
| 30 | Benofun 50 WP                   | Benomyl (min 95 %)                               |
| 31 | Benotigi 50 WP                  | Benomyl (min 95 %)                               |
| 32 | Benzeb 70 WP                    | Benomyl 17% + Zineb 53 %                         |
| 33 | Benzimidine 60 WP               | Carbendazim (min 98%)                            |
| 34 | Bion 50 WG                      | Acibenzolar- S - Methyl<br>(min 96 %)            |
| 35 | Binhnavil 50 SC                 | Carbendazim (min 98%)                            |
| 36 | Binhnomyl 50 WP                 | Benomyl (min 95 %)                               |
| 37 | Binhsin 70 WP                   | Thiophanate - Methyl<br>(min 93 %)               |
| 38 | Binhtaxyl 25 EC                 | Metalaxyl (min 95 %)                             |
| 39 | Binhtin 75 WP                   | Tricyclazole (min 95 %)                          |
| 40 | BL. Kanamin 50 WP               | Kasugamycin 5 % + Copper<br>Oxychloride 45 %     |

|    |                                   |                                              |
|----|-----------------------------------|----------------------------------------------|
| 41 | BL. Kanamin 47 WP                 | Kasugamycin 2 % + Copper<br>Oxychloride 45 % |
| 42 | Bonanza 100 SL, 100 DD            | Cyproconazole (min 94%)                      |
| 43 | Bumper 250 EC                     | Propiconazole (min 90 %)                     |
| 44 | Cadazim 500 FL                    | Carbendazim (min 98 %)                       |
| 45 | Calidan 262.5 SC.                 | Iprodione 175 g/l +<br>Carbendazim 87.5 g/l  |
| 46 | Calixin 75 EC                     | Tridemorph (min 86 %)                        |
| 47 | Callihex 50 SC                    | Hexaconazole (min 85 %)                      |
| 48 | Canazole 250 EC                   | Propiconazole (min 90 %)                     |
| 49 | Candazole 50 WP                   | Benomyl (min 95 %)                           |
| 50 | Canosan 30 EC, 40 EC,<br>50 EC    | Edifenphos (min 87 %)                        |
| 51 | Cansunin 2 L                      | Kasugamycin                                  |
| 52 | Cantazin 50 EC                    | Iprobenphos (Iprobenfos)<br>(min 94%)        |
| 53 | Canthomil 47 WP                   | Kasugamycin 2 % + Copper<br>Oxychloride 45 % |
| 54 | Cantop - M 72 WP , 5 SC,<br>43 SC | Thiophanate - Methyl<br>(min 93 %)           |
| 55 | Cantox - D 50 WP                  | Iprodione (min 96 %)                         |
| 56 | Caram 85 WP                       | Thiram (TMTD)                                |
| 57 | Carban 50 SC                      | Carbendazim (min 98%)                        |
| 58 | Carben 50 WP, 50 SC               | Carbendazim (min 98%)                        |
| 59 | Carbenda 60 WP, 50 SC             | Carbendazim (min 98%)                        |
| 60 | Carbenvil 50 SC                   | Carbendazim (min 98%)                        |
| 61 | Carbenzim 500 FL, 50 WP           | Carbendazim (min 98%)                        |
| 62 | Care 50 SC                        | Carbendazim (min 98%)                        |
| 63 | Carosal 50 SC, 50 WP              | Carbendazim (min 98%)                        |
| 64 | Caso one 40 EC                    | Isoprothiolane (min 96 %)                    |
| 65 | Cavil 50 SC, 50 WP, 60 WP         | Carbendazim (min 98%)                        |
| 66 | Cercosin 5 SC                     | Thiophanate - Methyl<br>(min 93 %)           |

|    |                                  |                                                                                             |
|----|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|
| 67 | Champion 77 WP, 57.6 DP, 37.5 FL | Copper Hydrocide                                                                            |
| 68 | Coben 25 EC                      | Triadimefon                                                                                 |
| 69 | COC 85 WP                        | Copper Oxychloride                                                                          |
| 70 | CocMan 69 WP                     | Mancozeb 30 % +<br>Copper Oxychloride 39 %                                                  |
| 71 | Comerich 70 EC                   | Edifenphos 30 % +<br>Fenobucarb 40 %                                                        |
| 72 | Copperzine WP                    | Zineb 25 % + Bordeaux 60 %                                                                  |
| 73 | Copper - B 75 WP                 | Zineb 20 % + Bordeaux 45 % +<br>Benomyl 10 %                                                |
| 74 | Cozeb 45 80 WP                   | Mancozeb                                                                                    |
| 75 | Cozol 250 EC                     | Propiconazole (min 90 %)                                                                    |
| 76 | Cupenix 80 BTN                   | Mancozeb 37 % + Copper<br>Oxychloride 43 %                                                  |
| 77 | Cuprimicin 500 81 WP             | Streptomycine 2.194 % +<br>Oxytetracycline 0.235 % +<br>Tribasic Copper<br>Sulfate 78.520 % |
| 78 | Curzate - M8 72 WP               | Cymoxanil 8 % +<br>Mancozeb 64 %                                                            |
| 79 | Daconil 75 WP, 500 SC            | Chlorothalonil (min 98%)                                                                    |
| 80 | Dana - Win 12.5 WP               | Diniconazole (min 94%)                                                                      |
| 81 | Derosal 50 SC, 60 WP             | Carbendazim (min 98%)                                                                       |
| 82 | Dipomate 80 WP                   | Mancozeb                                                                                    |
| 83 | Dithane M - 45 80 WP             | Mancozeb                                                                                    |
| 84 | Dizeb - M 45 80 WP               | Mancozeb                                                                                    |
| 85 | Duo Xiao Meisu 5 WP              | Validamycin (Validamycin A)<br>(min 40 %)                                                   |
| 86 | Edisan 40 EC, 50 EC              | Edifenphos (min 87 %)                                                                       |
| 87 | Encoleton 25 WP                  | Triadimefon                                                                                 |
| 88 | Flash 75 WP                      | Tricyclazole (min 95 %)                                                                     |
| 89 | Folcal 50 WP                     | Folpet (min 90 %)                                                                           |

|     |                              |                                                |
|-----|------------------------------|------------------------------------------------|
| 90  | Folicur 250 EW               | Tebuconazole (min 95 %)                        |
| 91  | Folpan 50 WP                 | Folpet (min 90 %)                              |
| 92  | Foraxyl 25 WP                | Metalaxyl (min 95 %)                           |
| 93  | Fordo 250 EC                 | Propiconazole (min 90 %)                       |
| 94  | Formanco 80 WP               | Mancozeb                                       |
| 95  | Forsol 50 WP, 60 WP, 50 SC   | Carbendazim (min 98 %)                         |
| 96  | Fortazeb 58 WP, 72 WP        | Metalaxyl 10 % (8 %) +<br>Mancozeb 48 % (64 %) |
| 97  | Forthane 80 WP, 43 SC        | Mancozeb                                       |
| 98  | Forwaceren 25 WP             | Pencycuron (min 99 %)                          |
| 99  | Forwanil 75 WP               | Chlorothalonil (min 98%)                       |
| 100 | Fuan 40 EC                   | Isoprothiolane (min 96 %)                      |
| 101 | Fuji - One 40 EC, 40 WP      | Isoprothiolane (min 96 %)                      |
| 102 | Fundazol 50 WP               | Benomyl (min 95 %)                             |
| 103 | Fungistemic 50 WP            | Carbendazim (min 98%)                          |
| 104 | Funguran - OH 50 BHN<br>(WP) | Copper Hydroxide                               |
| 105 | Funomyl 50 WP                | Benomyl (min 95 %)                             |
| 106 | Fusin - M 70 WP              | Thiophanate - Methyl<br>(min 93 %)             |
| 107 | Fuzin 40 EC                  | Isoprothiolane (min 96 %)                      |
| 108 | Glory 50 SC                  | Carbendazim (min 98%)                          |
| 109 | Guinness 72 WP               | Zincb                                          |
| 110 | Hat vàng 50 WP               | Iprodione (min 96 %)                           |
| 111 | Haifangmeisu 5 WP            | Validamycin (Validamycin A)<br>(min 40 %)      |
| 112 | Helan 25 WP, 250 SC          | Pencycuron (min 99 %)                          |
| 113 | Hinosan 30 EC, 40 EC         | Edifenphos (min 87 %)                          |
| 114 | Hisan 40 EC, 50 EC           | Edifenphos (min 87 %)                          |
| 115 | Impact 12.5 SC               | Flutriafol                                     |
| 116 | Jing gang meisu 5 SL, 10 WP  | Validamycin (Validamycin A)<br>(min 40 %)      |

|     |                           |                                              |
|-----|---------------------------|----------------------------------------------|
| 117 | Kasai 21.2 WP, 16.2 SC    | Fthalide 20 % (15 %) +<br>Kasugamycin 1.2 %  |
| 118 | Kasumin 2 L               | Kasugamycin                                  |
| 119 | Kasuran 50 WP             | Kasugamycin 5 % + Copper<br>Oxychloride 45 % |
| 120 | Kasuran 47 WP             | Kasugamycin 2 % + Copper<br>Oxychloride 45 % |
| 121 | Kian 50 EC                | Iprobenphos (Iprobenfos)<br>(min 94%)        |
| 122 | Kisaigòn 50 ND, 10 H      | Iprobenphos (Iprobenfos)<br>(min 94%)        |
| 123 | Kitatigi 50 ND, 5 H, 10 H | Iprobenphos (Iprobenfos)<br>(min 94%)        |
| 124 | Kitazin 50 EC , 17 G      | Iprobenphos (Iprobenfos)<br>(min 94%)        |
| 125 | Kocide® 53.8 DF, 61.4 DF  | Copper Hydrocide                             |
| 126 | Kontrol 40 ND             | Isoprothiolane (min 96 %)                    |
| 127 | Kuang Hwa Opsin 70 WP     | Thiophanate - Methyl<br>(min 93 %)           |
| 128 | Kuang Hwa San 50 EC       | Edifenphos (min 87 %)                        |
| 129 | Kumulus 80 DF             | Sulfur                                       |
| 130 | Lime Sulfur               | Calcium Polysulfide                          |
| 131 | Lunasa 25 EC              | Propiconazole (min 90 %)                     |
| 132 | Luster 250 SC             | Pencycuron (min 99 %)                        |
| 133 | Man 80 WP                 | Mancozeb                                     |
| 134 | Manage 5 WP, 15 WP        | Imibenconazole (min 98.3 %)                  |
| 135 | Mancolaxyl 72 WP          | Metalaxyl 8 % +<br>Mancozeb 64 %             |
| 136 | Manoze 80 WP              | Mancozeb                                     |
| 137 | Manthane M 46 80 WP       | Mancozeb                                     |
| 138 | Manzate - 200 80 WP       | Mancozeb                                     |
| 139 | Mataxyl 25 WP             | Metalaxyl (min 95 %)                         |

|     |                                       |                                                   |
|-----|---------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 140 | Metazeb 72 WP                         | Metalaxyl 8 % +<br>Mancozeb 64 %                  |
| 141 | Methyate 70 WP                        | Thiophanate - Methyl<br>(min 93 %)                |
| 142 | Mexyl MZ 72 WP                        | Metalaxyl 8 % +<br>Mancozeb 64 %                  |
| 143 | Microthiol Special 80 WP              | Sulfur                                            |
| 144 | Microthiol Special Liquid<br>58.15 LF | Sulfur                                            |
| 145 | Mimyl 12.5 BHN                        | Benomyl 12.5 % + $ZnSO_4$ +<br>$MgSO_4$           |
| 146 | Mirage 50 WP                          | Prochloraz (min 97%)                              |
| 147 | Moncren 25 WP, 250 SC                 | Pencycuron (min 99 %)                             |
| 148 | Moren 25 WP                           | Pencycuron (min 99 %)                             |
| 149 | New Hinosan 30 EC                     | Edifenphos (min 87 %)                             |
| 150 | New Kasuran BTN                       | Kasugamycin 0.6 % + Basic<br>Cupric Chloride 16 % |
| 151 | No mildew 25 WP                       | Metalaxyl (min 95 %)                              |
| 152 | Nustar 40 EC,                         | Flusilazole                                       |
| 153 | Octave 50 WP                          | Prochloraz (min 97%)                              |
| 154 | Opus 125 SC                           | Epoxiconazole (min 92%)                           |
| 155 | Penncozeb 75 DF , 80 WP               | Mancozeb                                          |
| 156 | Plant 50 WP                           | Benomyl (min 95 %)                                |
| 157 | Polyram 80 DF                         | Metiram Complex (min 85 %)                        |
| 158 | Pro - Thiram 80 WP                    | Thiram (TMTD)                                     |
| 159 | Proplant 722 SL                       | Propamocarb. HCl ( min 97 %)                      |
| 160 | Pulsor 23 F                           | Thifluzamide (min 96 %)                           |
| 161 | Qian Jiang Meisu 5 WP                 | Validamycin (Validamycin A)<br>(min 40 %)         |
| 162 | Rabcide 20 SC, 30 WP                  | Fthalide                                          |
| 163 | Ramat 80 WP                           | Zineb                                             |
| 164 | Rampart 35 SD                         | Metalaxyl (min 95 %)                              |

|     |                                  |                                                                           |
|-----|----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 165 | Ricide 72 WP                     | Metalaxyl 8 % +<br>Mancozeb 64 %                                          |
| 166 | Ridomil 240 EC /ND, 5 G/H        | Metalaxyl (min 95 %)                                                      |
| 167 | Ridomil MZ 72 WP/ BHN            | Metalaxyl 8 % +<br>Mancozeb 64 %                                          |
| 168 | Ridomil Gold <sup>®</sup> 68 BHN | Metalaxyl M 40 g/kg +<br>Mancozeb 640 g/kg                                |
| 169 | Ridozeb 72 WP                    | Metalaxyl 8 % +<br>Mancozeb 64 %                                          |
| 170 | Romil 72 WP                      | Metalaxyl 8 % +<br>Mancozeb 64 %                                          |
| 171 | Romycin 3 DD , 5DD, 5 WP         | Validamycin (Validamycin A)<br>(min 40 %)                                 |
| 172 | Rovral 50 WP , 500 WG,<br>750 WG | Iprodione (min 96 %)                                                      |
| 173 | Samet 15 WP                      | Triadimenol                                                               |
| 174 | Sameton 25 WP                    | Triadimefon                                                               |
| 175 | Sancozeb 80 WP                   | Mancozeb                                                                  |
| 176 | Sandofan M 66 WP                 | Oxadixyl 10.0 % +<br>Mancozeb 56.0%                                       |
| 177 | Sasa 20 WP                       | Sai ku zuo (MBAMT)<br>(min 90 %)                                          |
| 178 | Score 250 EC/ND                  | Difenoconazole (min 96%)                                                  |
| 179 | Sincocin 0.56 SL                 | Cytokinin ( Zeatin)                                                       |
| 180 | Solan 5 WP                       | Carbendazim 5% + $\alpha$ - NAA +<br>$P_2O_5$ + $K_2O$ + $N_2$ + Vi lượng |
| 181 | Starner 20 WP                    | Oxolinic acid (min 93 %)                                                  |
| 182 | Sulox 80 WP                      | Sulfur                                                                    |
| 183 | Sumi - Eight 12.5 WP             | Diniconazole (min 94%)                                                    |
| 184 | Super Mastercop 21 AS            |                                                                           |
| 185 | Swing 25 SC                      | Epoxiconazole 125 g/l +<br>Carbendazim 125 g/l                            |
| 186 | T - Liette 80 WP                 | Fosetyl Aluminium (min 95 %)                                              |
| 187 | T - vil 5 SC                     | Hexaconazole (min 85 %)                                                   |

|     |                        |                                                   |
|-----|------------------------|---------------------------------------------------|
| 188 | Thalonil 75 WP         | Chlorothalonil (min 98%)                          |
| 189 | Thane - M 80 WP        | Mancozeb                                          |
| 190 | Thio - M 70 WP, 500 SC | Thiophanate - Methyl<br>(min 93 %)                |
| 191 | Ticarben 50 WP         | Carbendazim (min 98%)                             |
| 192 | Tidacin 3 SC           | Validamycin (min 40 %)                            |
| 193 | Tigineb 80 WP          | Zineb                                             |
| 194 | Tilt 250 EC/ND         | Propiconazole (min 90 %)                          |
| 195 | Tilt Super 300 ND/ EC  | Difenoconazole 150 g/l +<br>Propiconazole 150 g/l |
| 196 | Timan 80 WP            | Mancozeb                                          |
| 197 | Tinomyl 50 WP          | Benomyl (min 95 %)                                |
| 198 | Tipo - M 70 BHN        | Thiophanate - Methyl<br>(min 93 %)                |
| 199 | Tipozeb 80 WP          | Mancozeb                                          |
| 200 | Tipozin 50 EC          | Iprobenphos (Iprobenfos)<br>(min 94 %)            |
| 201 | Tiptop 250 EC          | Propiconazole (min 90 %)                          |
| 202 | Tomet 70 WP            | Thiophanate - Methyl<br>(min 93 %)                |
| 203 | Top 50 SC , 70 WP      | Thiophanate - Methyl<br>(min 93 %)                |
| 204 | Top - Plus M 70 WP     | Thiophanate - Methyl<br>(min 93 %)                |
| 205 | Topan 70 WP            | Thiophanate - Methyl<br>(min 93 %)                |
| 206 | Toplaz 70 WP           | Thiophanate - Methyl<br>(min 93 %)                |
| 207 | Topnix 70 WP           | Thiophanate - Methyl<br>(min 93 %)                |
| 208 | Topsimyl 70 WP         | Thiophanate - Methyl<br>(min 93 %)                |
| 209 | Topsin M 50 WP, 70 WP  | Thiophanate - Methyl<br>(min 93 %)                |

|     |                                |                                           |
|-----|--------------------------------|-------------------------------------------|
| 210 | Trineb 80 WP                   | Maneb                                     |
| 211 | Trizole 20 WP                  | Tricyclazole (min 95 %)                   |
| 212 | TSM 70 WP                      | Thiophanate - Methyl<br>(min 93 %)        |
| 213 | Unizeb M - 45 80 WP            | Mancozeb                                  |
| 214 | Vacinmeisu 5 WP, 5 SL          | Validamycin (Validamycin A)<br>(min 40 %) |
| 215 | Vacocin 3 SL                   | Validamycin (Validamycin A)<br>(min 40 %) |
| 216 | Vali 3 DD, 5 DD                | Validamycin (Validamycin A)<br>(min 40 %) |
| 217 | Validacin 3L, 5L, 5 SP         | Validamycin (Validamycin A)<br>(min 40 %) |
| 218 | Validan 3 DD , 5 DD            | Validamycin (Validamycin A)<br>(min 40 %) |
| 219 | Valitigi 3 DD, 5 DD            | Validamycin (Validamycin A)<br>(min 40 %) |
| 220 | Vanicide 3SL, 5 SL, 5 WP       | Validamycin (Validamycin A)<br>(min 40 %) |
| 221 | Varison 5 WP                   | Validamycin (Validamycin A)<br>(min 40 %) |
| 222 | Vectra 100 SC, 200 EC          | Bromuconazole (min 96 %)                  |
| 223 | Vialphos 80 BHN                | Fosetyl Aluminium (min 95 %)              |
| 224 | Viben - C 50 BTN               | Copper Oxychloride 25 % +<br>Benomyl 25%  |
| 225 | Viben 50 BTN                   | Benomyl (min 95 %)                        |
| 226 | Vicarben - S 75 BTN,<br>70 BTN | Carbendazim 60 % +<br>Sulfur 15 %         |
| 227 | Vicarben 50 BTN, 50 HP         | Carbendazim (min 98%)                     |
| 228 | Vicuron 25 BTN                 | Pencycuron (min 99 %)                     |
| 229 | Vida <sup>(R)</sup> 3 SC, 5 WP | Validamycin (Validamycin A)<br>(min 40 %) |
| 230 | Vifuki 40 ND                   | Isoprothiolane 20 % +<br>Iprobenphos 20 % |

|     |                               |                                                                   |
|-----|-------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| 231 | Vifusi 40 ND                  | Isoprothiolane (min 96 %)                                         |
| 232 | Vigangmycin 3 SC              | Validamycin (Validamycin A)<br>(min 40 %)                         |
| 233 | Vihino 40 ND                  | Edifenphos (min 87 %)                                             |
| 234 | Vikita 50 ND, 10 H            | Iprobenphos (Iprobenfos)<br>(min 94%)                             |
| 235 | Vilaxyl 35 BTN                | Metalaxyl (min 95 %)                                              |
| 236 | Vimancoz 80 BTN               | Mancozeb                                                          |
| 237 | Vimix 13.1 DD                 | Validamycin 2 % + NOA 0.05<br>% + NAA 0.05 % + Zn, Cu,<br>Mg 11 % |
| 238 | Vimonyl 72 BTN                | Metalaxyl 8 % +<br>Mancozeb 64 %                                  |
| 239 | Viroval 50 BTN                | Iprodione (min 96 %)                                              |
| 240 | Viroxyl 58 BTN                | Metalaxyl 8 % + Copper<br>oxychloride 50 %                        |
| 241 | Vithi - M 70 BTN              | Thiophanate - Methyl<br>(min 93 %)                                |
| 242 | Vivadamy 3 DD, 5 DD,<br>5 BHN | Validamycin (Validamycin A)<br>(min 40 %)                         |
| 243 | Vizines 80 BTN                | Zineb 40 % + Sulfur 40 %                                          |
| 244 | Vizincop 50 BTN               | Zineb 20 % + Copper<br>Oxychloride 30%                            |
| 245 | Xanthomix 20 WP               | Sai ku zuo (MBAMT)<br>(min 90 %)                                  |
| 246 | Zin 80 WP                     | Zineb                                                             |
| 247 | Zinacol 80 WP                 | Zineb                                                             |
| 248 | Zincopper WP                  | Zineb 20 % + Copper<br>Oxychloride 30%                            |
| 249 | Zineb Bul 80 WP               | Zineb                                                             |
| 250 | Zinforce 80 WP                | Zineb                                                             |
| 251 | Zithane Z 80 WP               | Zineb                                                             |
| 252 | Zodiac 80 WP                  | Zineb                                                             |

|     |            |                          |
|-----|------------|--------------------------|
| 253 | Zoo 250 EC | Propiconazole (min 90 %) |
| 254 | Zoom 50 WP | Carbendazim (min 98%)    |

### 3. Thuốc trừ cỏ - Herbicide :

|    |                      |                                                          |
|----|----------------------|----------------------------------------------------------|
| 1  | A.K 720 DD           | 2,4 D (min 96 %)                                         |
| 2  | Accotab 330 E        | Pendimethalin (min 90 %)                                 |
| 3  | Acenidax 17 WP       | Acetochlor (min 93.3%) 14.<br>+ Bensulfuron Methyl 2.4 % |
| 4  | Afalon 50 WP         | Linuron (min 94 %)                                       |
| 5  | Agroxone 80 WP       | MCPA (min 85 %)                                          |
| 6  | Ally 20 DF           | Metsulfuron Methyl<br>(min 93 %)                         |
| 7  | Almix 20 WP          | Metsulfuron Methyl 10 % +<br>Chlorimuron Ethyl 10 %      |
| 8  | Amesip 80 WP         | Ametryn (min 96 %)                                       |
| 9  | Ametrex 80 WP        | Ametryn (min 96 %)                                       |
| 10 | Amine 720 DD         | 2,4 D (min 96 %)                                         |
| 11 | Anco 720 DD          | 2,4 D (min 96 %)                                         |
| 12 | Ansaron 43 F, 80 WP  | Diuron (min 97 %)                                        |
| 13 | Argold 10 EC         | Cinmethylin ( min 88 %)                                  |
| 14 | Atra 500 SC          | Atrazine (min 96 %)                                      |
| 15 | Atramet combi 80 WP  | Ametryn 40% + Atrazine 40%                               |
| 16 | Atranex 80 WP        | Atrazine (min 96 %)                                      |
| 17 | Atryl 80 WP          | Ametryn (min 96 %)                                       |
| 18 | B - Glyphosate 41 SL | Glyphosate IPA Salt<br>(min 95 %)                        |
| 19 | B.L.Tachlor 60 EC    | Butachlor (min 93 %)                                     |
| 20 | B.T.C 2.4D 80 WP     | 2,4 D (min 96 %)                                         |
| 21 | Bandit 55 EC         | Butachlor 27.5 % +<br>Propanil 27.5 %                    |
| 22 | Banish 16 SL         | Sulfosate (min 95 %)                                     |

|    |                                    |                                             |
|----|------------------------------------|---------------------------------------------|
| 23 | Basta 6 SL , 15 SL                 | Glufosinate Ammonium<br>(min 95 %)          |
| 24 | Baton 960 WSP                      | 2.4 D (min 96 %)                            |
| 25 | Bei 72 EC                          | 2.4 D (min 96 %)                            |
| 26 | Beron 10 WP                        | Bensulfuron Methyl<br>(min 96 %)            |
| 27 | Beto 14 WP                         | Bensulfuron Methyl 2 % +<br>Acetochlor 12 % |
| 28 | Bimastar 240/120 AS                | Glyphosate IPA Salt 24 % +<br>2.4 D 12 %    |
| 29 | Binhoxa 25 EC                      | Oxadiazon (min 94%)                         |
| 30 | BM - Glyphosate 41 AS              | Glyphosate IPA Salt<br>(min 95 %)           |
| 31 | BM Diuron 80 WP                    | Diuron (min 97 %)                           |
| 32 | Burndown 160 AS                    | Glyphosate IPA Salt<br>(min 95 %)           |
| 33 | Butan 60 EC                        | Butachlor (min 93 %)                        |
| 34 | Butanil 55 EC                      | Butachlor 27.5 % +<br>Propanil 27.5 %       |
| 35 | Butanix 60 EC                      | Butachlor (min 93 %)                        |
| 36 | Butavi 60 EC                       | Butachlor (min 93 %)                        |
| 37 | Butoxim 60 EC, 5 G                 | Butachlor (min 93 %)                        |
| 38 | Canstar 25 EC                      | Oxadiazon (min 94%)                         |
| 39 | Cantachlor 60 EC, 5 G              | Butachlor (min 93 %)                        |
| 40 | Cantanil 550 EC                    | Butachlor 27.5 % +<br>Propanil 27.5 %       |
| 41 | Cantosin 80 WP, 600 DD,<br>720 DD  | 2.4 D (min 96 %)                            |
| 42 | Caranyl 48 SC                      | Propanil (min 95 %)                         |
| 43 | Carphosate 16 DD, 41 DD,<br>480 SC | Glyphosate IPA Salt<br>(min 95 %)           |
| 44 | Century 6.85 G                     | Butachlor 3.75 + 2.4 D 3.1 %                |

|    |                                           |                                                    |
|----|-------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 45 | Clean - up 480 AS                         | Glyphosate IPA Salt<br>(min 95 %)                  |
| 46 | Clincher 10 EC                            | Cyhalofop - butyl (min 97 %)                       |
| 47 | Co - co 50 50 WP                          | Atrazine (min 96 %)                                |
| 48 | CO 2.4 D 500 DD, 600 DD,<br>720 DD, 80 WP | 2.4 D (min 96 %)                                   |
| 49 | Co Broad 80 WP                            | 2.4 D (min 96 %)                                   |
| 50 | Cobra 24 EC                               | Lactofen (min 97 %)                                |
| 51 | Command 36 ME                             | Clomazone (min 88 %)                               |
| 52 | Cosmic 41 SL                              | Glyphosate IPA Salt<br>(min 95 %)                  |
| 53 | D - ron 80 WP                             | Diuron (min 97 %)                                  |
| 54 | Damin 70 SL                               | 2.4 D (min 96 %)                                   |
| 55 | Desormone 60 EC, 70 EC                    | 2.4 D (min 96 %)                                   |
| 56 | Dibphosate 480 DD                         | Glyphosate IPA Salt<br>(min 95 %)                  |
| 57 | Dibuta 60 EC                              | Butachlor (min 93 %)                               |
| 58 | Dipoxim 80 BHN                            | Dalapon                                            |
| 59 | DMA - 6 683 AC, 72 AC                     | 2.4 D (min 96 %)                                   |
| 60 | Dream 360 SC, 480 SC                      | Glyphosate IPA Salt<br>(min 95 %)                  |
| 61 | Dual 720 EC/ ND                           | Metolachlor (min 87 %)                             |
| 62 | Dual Gold <sup>®</sup> 960 ND             | S - Metolachlor (min 98.3 %)                       |
| 63 | Echo 60 EC                                | Butachlor (min 93 %)                               |
| 64 | Echosate 16 DD                            | Glyphosate IPA Salt<br>(min 95 %)                  |
| 65 | Ecomax 41 SL                              | Glyphosate IPA Salt<br>(min 95 %)                  |
| 66 | Empire 27 AS                              | Glyphosate IPA Salt 242 g/l +<br>Picloram 26.5 g/l |
| 67 | Encofosat 48 SL                           | Glyphosate IPA Salt<br>(min 95 %)                  |

|    |                                  |                                                         |
|----|----------------------------------|---------------------------------------------------------|
| 68 | Facet <sup>(R)</sup> 25 SC       | Quinclorac (min 99 %)                                   |
| 69 | Farm 480 AS                      | Glyphosate IPA Salt<br>(min 95 %)                       |
| 70 | Fezpax 500 FW                    | Ametryn (min 96 %)                                      |
| 71 | Fezprim 500 FW                   | Atrazine (min 96 %)                                     |
| 72 | Folar 525 FW                     | Terbuthylazine 345 g/l +<br>Glyphosate IPA Salt 180 g/l |
| 73 | Fortene 400 EC                   | Oxadiazon 100 g/l +<br>Propanil 300 g/l                 |
| 74 | Forwabuta 32 EC, 60 EC,<br>5 G   | Butachlor (min 93 %)                                    |
| 75 | Gallant Super 10 EC              | Haloxypop - R Methyl Ester<br>(min 94 %)                |
| 76 | Gardon 27.6 SL                   | Glyphosate IPA Salt 13.8 % +<br>2.4 D 13.8 %            |
| 77 | Garlon 250 EC                    | Triclopyr butoxyethyl ester                             |
| 78 | Gesapax 80 WP/BHN, 500<br>FW/DD  | Ametryn (min 96 %)                                      |
| 79 | Gesapax Combi 80 WP /<br>BHN     | Ametryn 40 % +<br>Atrazine 40 %                         |
| 80 | Gesapax Combi 500 FW/<br>DD      | Ametryn 250 g/l +<br>Atrazine 250 g/l                   |
| 81 | Gesaprim 80 WP/BHN, 500<br>FW/DD | Atrazine (min 96 %)                                     |
| 82 | Gesatop 80 WP/BHN, 500<br>FW/DD  | Simazine (min 97 %)                                     |
| 83 | Gesatop Z 500 FW/ DD             | Simazine 250 g/l +<br>Ametryn 250 g/l                   |
| 84 | Gialka 360 SC                    | Glyphosate IPA Salt (min 95 %)                          |
| 85 | Gly - Up 480 SL                  | Glyphosate IPA Salt (min 95 %)                          |
| 86 | Glycel 41 SL                     | Glyphosate IPA Salt (min 95 %)                          |
| 87 | Glyphadex 360 AS                 | Glyphosate IPA Salt (min 95 %)                          |
| 88 | Glyphosan 480 DD                 | Glyphosate IPA Salt (min 95 %)                          |

|     |                                  |                                                    |
|-----|----------------------------------|----------------------------------------------------|
| 89  | Glyphoz 450 A                    | Glyphosate IPA Salt (min 95%)                      |
| 90  | Go - 900 DF                      | Diuron (min 97 %)                                  |
| 91  | Go Up 480 SC                     | Glyphosate IPA Salt (min 95%)                      |
| 92  | Haibon - D 864 DD                | 2.4 D (min 96 %)                                   |
| 93  | Heco 600 EC                      | Butachlor (min 93 %)                               |
| 94  | Helosate 16 SL, 48SL             | Glyphosate IPA Salt (min 95%)                      |
| 95  | Herb - Neat 41 SL                | Glyphosate IPA Salt (min 95%)                      |
| 96  | Hyvar - X 80 WP                  | Bromacil                                           |
| 97  | Karmex 80 WP                     | Diuron (min 97 %)                                  |
| 98  | Ken - Up 160 SC, 480 SC          | Glyphosate IPA Salt (min 95%)                      |
| 99  | Kocin 60 EC                      | Butachlor (min 93 %)                               |
| 100 | Kuang - Hwa la 41 SC             | Glyphosate IPA Salt (min 95%)                      |
| 101 | Lambast 60 EC, 5 G               | Butachlor (min 93 %)                               |
| 102 | Lasso 48 EC                      | Alachlor (min 90 %)                                |
| 103 | Lecspro 44.25 WP                 | Fentrazamide (min 98%)<br>6.75 % + Propanil 37.5 % |
| 104 | Logran 20 WG                     | Triasulfuron (min 92 %)                            |
| 105 | Londax 10 WP                     | Bensulfuron Methyl<br>(min 96 %)                   |
| 106 | Lyphoxim 16 SL, 41 DD            | Glyphosate IPA Salt (min 95%)                      |
| 107 | Machete 60 EC, 5 G               | Butachlor (min 93 %).                              |
| 108 | Maduron 80 WP                    | Diuron (min 97 %)                                  |
| 109 | Maizine 80 WP                    | Atrazine (min 96 %)                                |
| 110 | MAMBA 41 SL                      | Glyphosate IPA Salt (min 95%)                      |
| 111 | Map - Prop 50 SC                 | Propanil (min 95 %)                                |
| 112 | Mastraglyphosate 16 AS,<br>41 AS | Glyphosate IPA Salt (min 95%)                      |
| 113 | Meco 60 EC                       | Butachlor (min 93 %)                               |
| 114 | Merlin 750 WG                    | Isoxaflutole (min 98 %)                            |
| 115 | Metrimex 80 WP                   | Ametryn 40 % +<br>Atrazine 40 %                    |
| 116 | Michelle 32 ND, 62 ND, 5 G       | Butachlor (min 93 %)                               |

|     |                               |                                                  |
|-----|-------------------------------|--------------------------------------------------|
| 117 | Mizin 50 WP, 80 WP            | Atrazine (min 96 %)                              |
| 118 | Nabu S 12.5 EC                | Sethoxydim (min 94 %)                            |
| 119 | Newsate 41 DD                 | Glyphosate IPA Salt (min 95 %)                   |
| 120 | Niphosate 160 SL, 480 SL      | Glyphosate IPA Salt (min 95 %)                   |
| 121 | Niran - X 60 EW               | Butachlor (min 93 %)                             |
| 122 | Nominee 10 SC                 | Bispyribac- Sodium (min 93 %)                    |
| 123 | Nufa 825 DF                   | 2.4 D (min 96 %)                                 |
| 124 | Nufarm Glyphosate 360 AC      | Glyphosate IPA Salt (min 95 %)                   |
| 125 | O . K 720 DD, 683 DD          | 2.4 D (min 96 %)                                 |
| 126 | Onecide 15 EC                 | Fluazifopbutyl (min 91 %)                        |
| 127 | Ordram 8 E                    | Molinate (min 95 %)                              |
| 128 | Pataxim 55 EC                 | Butachlor 27.5 % +<br>Propanil 27.5 %            |
| 129 | Perfect 480 DD                | Glyphosate IPA Salt (min 95 %)                   |
| 130 | PinUp 41 AS                   | Glyphosate IPA Salt (min 95 %)                   |
| 131 | Pro - amine 60 AS, 48 SL      | 2.4 D (min 96 %)                                 |
| 132 | Profit 500 ND                 | Pretilachlor 170 g ai/l +<br>Propanil 330 g ai/l |
| 133 | Prolinate 65.4 EC             | Molinate 32.7 % +<br>Propanil 32.7 %             |
| 134 | Propatox 360 EC               | Propanil (min 95 %)                              |
| 135 | Prowl 330 EC                  | Pendimethalin (min 90 %)                         |
| 136 | Pyanchor 3 EC                 | Pyribenzoxim (min 95 %)                          |
| 137 | Quick 720 EC                  | 2.4 D (min 96 %)                                 |
| 138 | Quinix 32 WP                  | Quinclorac 28 % +<br>Bensulfuron Methyl 4 %      |
| 139 | Rada 720 EC, 600 DD,<br>80 WP | 2.4 D (min 96 %)                                 |
| 140 | Rafale 350 EC                 | Diffenican 16.7 g/l +<br>Propanil 333.3 g/l      |
| 141 | Raft® 800 WP, 800 WG          | Oxadiazyl (min 96 %)                             |
| 142 | Rescue 27 AS                  | Glyphosate Dimethylamine                         |

|     |                             |                                                          |
|-----|-----------------------------|----------------------------------------------------------|
| 143 | Riceguard 22 SC             | Anilofos 22.89 % +<br>Ethoxysulfuron 0.87 %              |
| 144 | Ricozin 30 EC               | Anilofos (min 93 %)                                      |
| 145 | Ridweed RP 41 SL            | Glyphosate IPA Salt (min 95 %)                           |
| 146 | Rifit 500 EC/ND, 2 G        | Pretilachlor                                             |
| 147 | Ronstar 25 EC, 12 L         | Oxadiazon (min 94 %)                                     |
| 148 | Roundup 480 SC, 74 DF       | Glyphosate IPA Salt (min 95 %)                           |
| 149 | Sanaphen 600 SL, 720 SL     | 2,4 D (min 96 %)                                         |
| 150 | Sanazine 500 SC             | Atrazine (min 96 %)                                      |
| 151 | Sanuron 800 WP, 800 SC      | Diuron (min 97 %)                                        |
| 152 | Satunil 60 EC               | Thiobencarb 40 % +<br>Propanil 20 %                      |
| 153 | Saturn 6 H , 50 EC          | Thiobencarb (Benthiocarb)                                |
| 154 | Saviour 10 WP               | Cyclosulfamuron (min 98 %)                               |
| 155 | Select 12 EC                | Clethodim (min 91.2 %)                                   |
| 156 | Sencor 70 WP                | Metribuzin (min 95 %)                                    |
| 157 | Shoot 16 AS , 41 AS, 300 AS | Glyphosate IPA Salt (min 95 %)                           |
| 158 | Silk 10 WP                  | Pyrazosulfuron Ethyl<br>(min 97 %)                       |
| 159 | Sindax 10 WP                | Metsulfuron Methyl 1.75 % +<br>Bensulfuron Methyl 8.25 % |
| 160 | Sipazine 80 WP              | Simazine (min 97 %)                                      |
| 161 | Sirius 10 WP, 10 TB         | Pyrazosulfuron Ethyl<br>(min 97 %)                       |
| 162 | Sofit 300 EC / ND           | Pretilachlor 300 g/l +<br>Fencloirim 100 g/l             |
| 163 | Spark 160 SC                | Glyphosate IPA Salt (min 95 %)                           |
| 164 | Star 10 WP                  | Pyrazosulfuron Ethyl<br>(min 97 %)                       |
| 165 | Sunrice 15 WDG              | Ethoxysulfuron (min 94 %)                                |
| 166 | Super - Al 20 DF            | Metsulfuron Methyl<br>(min 93 %)                         |
| 167 | Suron 80 WP                 | Diuron (min 97 %)                                        |

|     |                                   |                                                                           |
|-----|-----------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|
| 168 | Taco 600 EC                       | Butachlor (min 93 %)                                                      |
| 169 | Tetris 75 EC                      | Clefoxydim (min 99.6%)                                                    |
| 170 | Tico 60 EC                        | Butachlor (min 93 %)                                                      |
| 171 | Tiller S EC                       | Fenoxaprop - P - Ethyl 4.25 %<br>+ 2.4 D 6.61%+MCPA 19.81%                |
| 172 | Tiposat 480 SC                    | Glyphosate IPA Salt (min 95%)                                             |
| 173 | Touchdown 48 SL                   | Sulfosate (min 95 %)                                                      |
| 174 | Triflurex 48 EC                   | Trifluralin (min 94 %)                                                    |
| 175 | UPL Diuron 80 WP                  | Diuron (min 97 %)                                                         |
| 176 | Venus 300 EC                      | Pretilachlor                                                              |
| 177 | Vi 2.4D 80 BTN, 600 DD,<br>720 DD | 2.4 D (min 96 %)                                                          |
| 178 | Vibuta 32 ND, 62 ND, 5 H          | Butachlor (min 93 %)                                                      |
| 179 | Vidui 80 BTN                      | Diuron (min 97 %)                                                         |
| 180 | Vifosat 480 DD                    | Glyphosate IPA Salt (min 95%)                                             |
| 181 | Vilapon 80 BTN                    | Dalapon                                                                   |
| 182 | Visimaz 80 BTN                    | Simazine (min 97 %)                                                       |
| 183 | Vitanil 60 ND                     | Butachlor 40 % +<br>Propanil 20 %                                         |
| 184 | Wallop 34.7 WSC                   | Glyphosate IPA Salt 180 g/l +<br>Isopropylamine salt of<br>Dicamba 90 g/l |
| 185 | Web 7.5 SC                        | Fenoxaprop - P - Ethyl<br>(min 88 %)                                      |
| 186 | Weedmaster 750 DF                 | Glyphosate IPA Salt (min 95%)                                             |
| 187 | Wham 80 DF                        | Propanil (min 95 %)                                                       |
| 188 | Wham EZ 48 SC                     | Propanil (min 95 %)                                                       |
| 189 | Whip'S 7.5 EW, 6.9 EC             | Fenoxaprop - P - Ethyl<br>(min 88 %)                                      |
| 190 | X - 52 7 GR                       | Chlormethoxyfen (min 93%)                                                 |
| 191 | Zaap 720 SL                       | 2.4 D (min 96 %)                                                          |

|     |                                                           |                  |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------------|
| 192 | Zico 48 SL , 70 SL , 720 DD, 520 SL , 45 WP, 80 WP, 96 WP | 2.4 D (min 96 %) |
|-----|-----------------------------------------------------------|------------------|

#### 4. Thuốc trừ chuột - Rodenticide :

|    |                                                                           |                                                                                     |
|----|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Ars rat killer 0.05 % viên                                                | Warfarin                                                                            |
| 2  | Bả diệt chuột sinh học                                                    | Warfarin 0.05 % + Salmonella enteritidis isatchenko 7. F 4                          |
| 3  | Biorat                                                                    | Warfarin Sodium + Samonella var.I 7 F - 4                                           |
| 4  | CAT 0.25 WP                                                               | Bromadiolone (min 97% )                                                             |
| 5  | Forwarat 0.05 % , 0.005 %                                                 | Brodifacoum (min 91%)                                                               |
| 6  | Killrat 0.005 Wax block                                                   | Bromadiolone (min 97% )                                                             |
| 7  | Klerat 0.05 %                                                             | Brodifacoum (min 91%)                                                               |
| 8  | Lanirat 0.005 % G                                                         | Bromadiolone (min 97% )                                                             |
| 9  | Miroca 10 <sup>9</sup> tế bào/ gam ,<br>Miroca 10 <sup>9</sup> tế bào/ ml | Samonella enteritidis<br>Isatchenko 10 <sup>9</sup> tế bào/ gam +<br>Cumarin 0.04 % |
| 10 | Musal 0.005 %                                                             | Bromadiolone (min 97% )                                                             |
| 11 | Racumin 0.75 TP                                                           | Coumatetralyl (min 98 %)                                                            |
| 12 | Rat K 2 % D                                                               | Warfarin                                                                            |
| 13 | Storm 0.005 % block bait                                                  | Flocoumafen (min 97.8%)                                                             |
| 14 | Woolf cygar 33 %                                                          | Sulfur 33 % + Carbon                                                                |
| 15 | Yasodion 0.005 G                                                          | Diphacinone (min 95 %)                                                              |

#### 5. Kích thích sinh trưởng cây trồng- Plant growth regulator:

|   |                     |                                                                                                          |
|---|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Agrispon 0.56 SL    | Cytokinin ( Zeatin)                                                                                      |
| 2 | Aron 1.95 lỏng      | Sodium - 5 - Nitroguaiacolate<br>+ Sodium -O -Nitrophenolate +<br>Sodium - P - Nitrophenolate +<br>2.4 D |
| 3 | Atonik 1.8 DD , 5 G | Sodium - 5 - Nitroguaiacolate<br>+ Sodium - O - Nitrophenolate<br>+ Sodium - P - Nitrophenolate          |

|    |                                            |                                                                                                            |
|----|--------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4  | Ausin 1.8 EC                               | Sodium - 5 - Nitroguaiacolate<br>+ Sodium - O - Nitrophenolate<br>+ Sodium - P - Nitrophenolate            |
| 5  | Better 1.8 DD                              | Sodium - 5 - Nitroguaiacolate<br>+ Sodium - O - Nitrophenolate<br>+ Sodium - P - Nitrophenolate            |
| 6  | Biofa - 1290 VL                            | 6 - Furfurylaminopurine + 6 -<br>Benzylaminopurine + $\alpha$ -<br>Naphthalone Acetic Acid                 |
| 7  | Callel 2.5 Past                            | Ethephon                                                                                                   |
| 8  | Canik 1.8 DD                               | Sodium - 5 - Nitroguaiacolate<br>+ Sodium - O - Nitrophenolate<br>+ Sodium - P - Nitrophenolate            |
| 9  | Dekamon 22.43 L                            | Sodium - 5 - Nitroguaiacolate<br>+ Sodium - O - Nitrophenolate +<br>Sodium - P - Nitrophenolate +<br>2.4 D |
| 10 | Ethrel 2.5 LS, 10 LS, 480 L                | Ethephon                                                                                                   |
| 11 | Flower - 95 0.3 DD                         | NAA                                                                                                        |
| 12 | Forgrow 2.5 Past, 5 Past, 10<br>Past       | Ethephon                                                                                                   |
| 13 | Gibgro T 20 tablets, 10<br>powder          | Gibberellic                                                                                                |
| 14 | HD 207 1 lỏng                              | NAA                                                                                                        |
| 15 | HQ - 301 Fructonic 1 % DD                  | Alpha - Naphthyl acetic acid                                                                               |
| 16 | HQ 101                                     | NAA + $\alpha$ - Naphthyl acetic<br>acid                                                                   |
| 17 | Kelpak SL                                  | Auxins 11 mg/l + Cytokinins<br>0.031 mg/l + Gibberellic                                                    |
| 18 | Kích phát tổ hoa - trái Thiên<br>Nông      | ANA, 1- NAA + $\beta$ - Naphtoxy<br>acetic acid + Gibberellic acid -<br>GA 3                               |
| 19 | Kích phát tổ lá , hạt Thiên<br>Nông GA - 3 | Gibberellic                                                                                                |

|    |                            |                                                                                                                                              |
|----|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 20 | Litosen 1.95 EC, 0.59 G    | Sodium - 5 - Nitroguaiacolate<br>+ Sodium -O -Nitrophenolate<br>Sodium - P - Nitrophenolate +<br>2.4 D                                       |
| 21 | Lục diệp tố 1 lỏng         | Gibberellic acid + NPK + Vi<br>lượng                                                                                                         |
| 22 | Progibb T 20 tablet, 10 SP | Gibberellic                                                                                                                                  |
| 23 | T & D 4 DD                 | Oligo - sacarit                                                                                                                              |
| 24 | Vikipi                     | $\alpha$ - Naphthyl Acetic Acid + $\beta$ -<br>Naphthoxy Acetic Acid +<br>ZnSO <sub>4</sub> + Borax + CuSO <sub>4</sub> +<br>NPK             |
| 25 | Vimogreen 1.34 DD          | Acid Gibberellic + ZnSO <sub>4</sub> +<br>MnSO <sub>4</sub> + CuSO <sub>4</sub> + NPK +<br>FeSO <sub>4</sub> + Borax                         |
| 26 | Vipac 88                   | $\alpha$ - Naphthyl Acetic Acid + $\beta$ -<br>Naphthoxy Acetic Acid +<br>ZnSO <sub>4</sub> + MgSO <sub>4</sub> + CuSO <sub>4</sub> +<br>NPK |
| 27 | Viprom                     | $\alpha$ - Naphthyl Acetic Acid + $\beta$ -<br>Naphthoxy Acetic Acid +<br>ZnSO <sub>4</sub> + CuSO <sub>4</sub> + NPK                        |
| 28 | ViTDQ 40                   | $\beta$ - Naphthoxy Acetic Acid +<br>Ethanol + nước                                                                                          |

#### 6. Chất dẫn dụ côn trùng - Insect Attractant :

|   |              |                                     |
|---|--------------|-------------------------------------|
| 1 | Ruvacon 90 L | Metyl eugenol 75 % +<br>Dibrom 25 % |
| 2 | Vizubon D    | Metyl eugenol 75 % + Dibrom<br>25 % |

#### 7. Thuốc trừ ốc sên - Mollusticide:

|   |                            |             |
|---|----------------------------|-------------|
| 1 | Deadline -40 4% cream line | Metaldehyde |
|---|----------------------------|-------------|

|   |                      |             |
|---|----------------------|-------------|
| 2 | Deadline Bullets 4 % | Metaldehyde |
| 3 | Yellow - K 4 BR      | Metaldehyde |

### 8. Chất hỗ trợ (chất trải)-Organic agricultural spray adjuvant:

|   |               |                                                       |
|---|---------------|-------------------------------------------------------|
| 1 | Greemax 26 EC | Poly (oxyethylene) 14 % +<br>Poly (oxypropylene) 12 % |
|---|---------------|-------------------------------------------------------|

### II. THUỐC TRỪ MỐI - TERMITICIDE :

|   |                 |                          |
|---|-----------------|--------------------------|
| 1 | Confidor 100 SL | Imidacloprid (min 99.6%) |
| 2 | Kordon 250 TC   | Deltamethrin (min 98 %)  |
| 3 | Lentrek 40 EC   | Chlorpyrifos (min 94 %)  |
| 4 | Termidor 2.5 EC | Fipronil (min 97 %)      |

### III. THUỐC BẢO QUẢN LÂM SẢN - WOOD TREATMENT :

|   |                 |                                                                                                       |
|---|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Antiborer 10 EC | Cypermethrin (min 90 %)                                                                               |
| 2 | Celcide 10 EC   | Cypermethrin (min 90 %)                                                                               |
| 3 | CH <sub>6</sub> | CH <sub>6</sub> (CuSO <sub>4</sub> +K <sub>2</sub> Cr <sub>2</sub> O <sub>7</sub> +CrO <sub>3</sub> ) |
| 4 | Cislin 2.5 EC   | Deltamethrin (Decamethrin)<br>(min 98%)                                                               |
| 5 | M1              | Muối, các oxid của Cu,<br>K <sub>2</sub> Cr <sub>2</sub> O <sub>7</sub> + Metum 5                     |

### IV. THUỐC KHỬ TRÙNG KHO - FUMIGANT :

|   |                      |                                         |
|---|----------------------|-----------------------------------------|
| 1 | Actellic 2 D , 50 EC | Pirimiphos - Methyl<br>(min 88 %)       |
| 2 | Crackdown 10 SC      | Deltamethrin (min 98 %)                 |
| 3 | Gu chung jing 25 DP  | Thảo mộc 25 % +<br>Deltamethrin 0.024 % |
| 4 | K - Obiol ® 25 WP    | Deltamethrin (min 98 %)                 |
| 5 | K - Othrin 10 ULV    | Deltamethrin (min 98 %)                 |
| 6 | Sumithion 3 D, 5 D   | Fenitrothion (min 95 %)                 |

TÊN THƯƠNG MẠI THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT  
HẠN CHẾ SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM  
LIST OF TRADE NAME OF PESTICIDE  
RESTRICTED TO USE IN VIETNAM

| TT                                                                      | TÊN THƯƠNG MẠI<br>(TRADE NAME) | TÊN HOẠT CHẤT (COMMON<br>NAME) - NGUYÊN LIỆU |
|-------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|
| I. THUỐC SỬ DỤNG TRONG NÔNG NGHIỆP - PESTICIDE USE IN<br>AGRICULTURER : |                                |                                              |
| <b>1. Thuốc trừ sâu - Insecticide :</b>                                 |                                |                                              |
| 1                                                                       | Bidrin 50 EC                   | Dicrotophos (min 85 %)                       |
| 2                                                                       | Cyclodan 35 EC                 | Endosulfan (min 93 %)                        |
| 3                                                                       | Demon' 50 EC                   | Dichlorvos (DDVP)                            |
| 4                                                                       | Endosol 35 EC                  | Endosulfan (min 93 %)                        |
| 5                                                                       | Furadan 3 G                    | Carbofuran                                   |
| 6                                                                       | Kelthane 18.5 EC               | Dicofol (min 95 %)                           |
| 7                                                                       | Sát Trùng Linh 15 EC           | Deltamethrin 2 % +<br>Dichlorvos 13 %        |
| 8                                                                       | Thasodant 35 EC                | Endosulfan (min 93 %)                        |
| 9                                                                       | Thiodan 35 EC                  | Endosulfan (min 93 %)                        |
| 10                                                                      | Thiodol 35 ND                  | Endosulfan (min 93 %)                        |

|    |             |            |
|----|-------------|------------|
| 11 | Vifuran 3 H | Carbofuran |
|----|-------------|------------|

## 2. Thuốc trừ bệnh hại cây trồng - Fungicide:

|   |                |      |
|---|----------------|------|
| 1 | Dinasin 6.5 SC | MAFA |
|---|----------------|------|

## 3. Thuốc trừ cỏ - Herbicide:

|   |                 |                     |
|---|-----------------|---------------------|
| 1 | Gramoxone 20 SL | Paraquat (min 95 %) |
|---|-----------------|---------------------|

## 4. Thuốc trừ chuột - Rodenticide :

|   |              |                           |
|---|--------------|---------------------------|
| 1 | Fokeba 20 %  | Zinc Phosphide (min 80 %) |
| 2 | QT - 92 18 % | Zinc Phosphide (min 80 %) |
| 3 | Zinphos 20 % | Zinc Phosphide (min 80 %) |

## II. THUỐC TRỪ MỐI - TERMITICIDE :

|   |                            |                                                                             |
|---|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| 1 | PMC 90 bột                 | $\text{Na}_2\text{SiF}_6$ 50 % + $\text{HBO}_3$ 10 % + $\text{CuSO}_4$ 30 % |
| 2 | PMs 100 bột                | $\text{Na}_2\text{SiF}_6$ 80 % + $\text{ZnCl}_2$ 20 %                       |
| 3 | PMD 90 bột                 | $\text{Na}_2\text{SiF}_6$ 75 % + $\text{C}_6\text{Cl}_5\text{ONa}$ 15%      |
| 4 | Dầu trừ mối M - 4 1.2 lỏng | Pentachlorophenyl 1 % + Fenvalerate 0.2 %                                   |

## III . THUỐC BẢO QUẢN LÂM SẢN - WOOD TREATMENT :

|   |                   |                                                                    |
|---|-------------------|--------------------------------------------------------------------|
| 1 | Celbrite MT 30 EC | Methylene bis Thiocyanate 5 % + Quaternary ammonium compounds 25 % |
|---|-------------------|--------------------------------------------------------------------|

|    |                         |                                                                                                                                    |
|----|-------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2  | Copas NAP 90 G          | Sodium Pentachlorophenate monohydrate                                                                                              |
| 3  | Celbor 90 SP            | Sodium Tetraboratedecahydrate 54 % + Boric acid 36 %                                                                               |
| 4  | Injecta AB 30 L         | Tribromophenol                                                                                                                     |
| 5  | Timber life 16 L        | Tributyl tin naphthenate                                                                                                           |
| 6  | XM <sub>5</sub> 100 bột | CuSO <sub>4</sub> 50 % + K <sub>2</sub> Cr <sub>2</sub> O <sub>7</sub> 50 %                                                        |
| 7  | LN <sub>5</sub> 90 bột  | ZnSO <sub>4</sub> .7H <sub>2</sub> O 60 % + NaF 30 % + phụ gia 10 %                                                                |
| 8  | P - NaF 90 bột          | C <sub>6</sub> Cl <sub>5</sub> ONa 60 % + NaF 30 % + phụ gia 10 %                                                                  |
| 9  | PBB 100 bột             | C <sub>6</sub> Cl <sub>5</sub> ONa 50 % + Na <sub>2</sub> B <sub>4</sub> O <sub>7</sub> 25 % + H <sub>3</sub> BO <sub>3</sub> 25 % |
| 10 | PCC 100 bột             | SO <sub>4</sub> (NH <sub>4</sub> ) <sub>2</sub> 92 % + NaF 8 %                                                                     |
| 11 | CMM 7 dầu lỏng          | C <sub>6</sub> Cl <sub>5</sub> OH 5 % + C <sub>6</sub> H <sub>4</sub> O <sub>5</sub> N <sub>2</sub> 2 %                            |

#### IV. THUỐC KHỬ TRÙNG KHO - FUMIGANT :

|   |                        |                     |
|---|------------------------|---------------------|
| 1 | Brom - O - Gas 98 %    | Methyl Bromide      |
| 2 | Celphos 56 % tablet    | Aluminium Phosphide |
| 3 | Dowfome 98 %           | Methyl Bromide      |
| 4 | Fumitoxin 55 % tablets | Aluminium Phosphide |
| 5 | Gastoxin 56.8 GE       | Aluminium Phosphide |

|   |                                       |                     |
|---|---------------------------------------|---------------------|
| 6 | Magtoxin 66 tablet, pellet            | Magnesium phosphide |
| 7 | Meth - O - gas 98 %                   | Methyl Bromide      |
| 8 | Phostoxin 56 % viên tròn,<br>viên dẹt | Aluminium Phosphide |
| 9 | Quickphos 56 viên                     | Aluminium Phosphide |

## MỤC LỤC

|                                                                      | Trang |
|----------------------------------------------------------------------|-------|
| 1- Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam       | 3     |
| 2- Danh mục thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam         | 34    |
| 3- Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng ở Việt Nam             | 37    |
| 4- Tên thương mại thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam | 39    |
| 5- Tên thương mại thuốc bảo vệ thực vật hạn chế sử dụng ở Việt Nam   | 76    |

## CONTENTS

|                                                                 |    |
|-----------------------------------------------------------------|----|
| 1- List of pesticide permitted to use in Vietnam                | 3  |
| 2- List of pesticide restricted to use in Vietnam               | 34 |
| 3- List of pesticide banned to use in Vietnam                   | 37 |
| 4- List of trade name of pesticide permitted to use in Vietnam  | 39 |
| 5- List of trade name of pesticide restricted to use in Vietnam | 76 |

Chịu trách nhiệm xuất bản:

**LÊ VĂN THỊNH**

Phụ trách bản thảo:

**ĐỖ TU**

Trình bày bìa:

**LÊ THU**

**Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về:**

**NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP**

D14 Phương Mai - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 8.523887, 8.525070, 8.521940 - Fax: 04.5760748

**CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN NÔNG NGHIỆP**

58 Nguyễn Bình Khiêm - Q.1 - TP. Hồ Chí Minh

ĐT: 08 - 8299521, 8297157 - Fax: 08.9101036

In 2.000 bản khổ 13 × 19cm tại Xưởng in Nhà xuất bản Nông nghiệp.  
Giấy chấp nhận đăng ký KHXB số 11/313 do Cục Xuất bản cấp ngày  
12/3/2001. In xong và nộp lưu chiểu tháng 4/2001.

**TỦ SÁCH KHUYẾN NÔNG CHO MỌI NHÀ**



**Sách được phát hành tại :**

**CÔNG TY PHÁT HÀNH SÁCH TP ĐÀ NẴNG**

**31 - 33 YÊN BÁI - ĐÀ NẴNG**

TEL: (0511) 821 246 FAX: (0511) 827 145 - Email: phsdana@dhg.vnn.vn

NN.0070 000141

8.500 đ/bản

Danh mục thuốc

63-630  
NN-2001-11/313-2001

Giá: 8.500đ